



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT
QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DI SẢN THIÊN NHIÊN

HÀ NỘI, 2025



“Sổ tay Hướng dẫn kỹ thuật quản lý và bảo vệ môi trường Di sản thiên nhiên” do Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học phối hợp với Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường nghiên cứu, biên soạn năm 2025. Đây là tài liệu tham khảo sử dụng, không phải là văn bản quy phạm pháp luật.”

Trích dẫn: Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học - Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2025. *Sổ tay Hướng dẫn kỹ thuật quản lý và bảo vệ môi trường Di sản thiên nhiên*. Hà Nội. 52 trang.

Thông tin liên hệ:



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

Địa chỉ: Số 10 Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Hà Nội

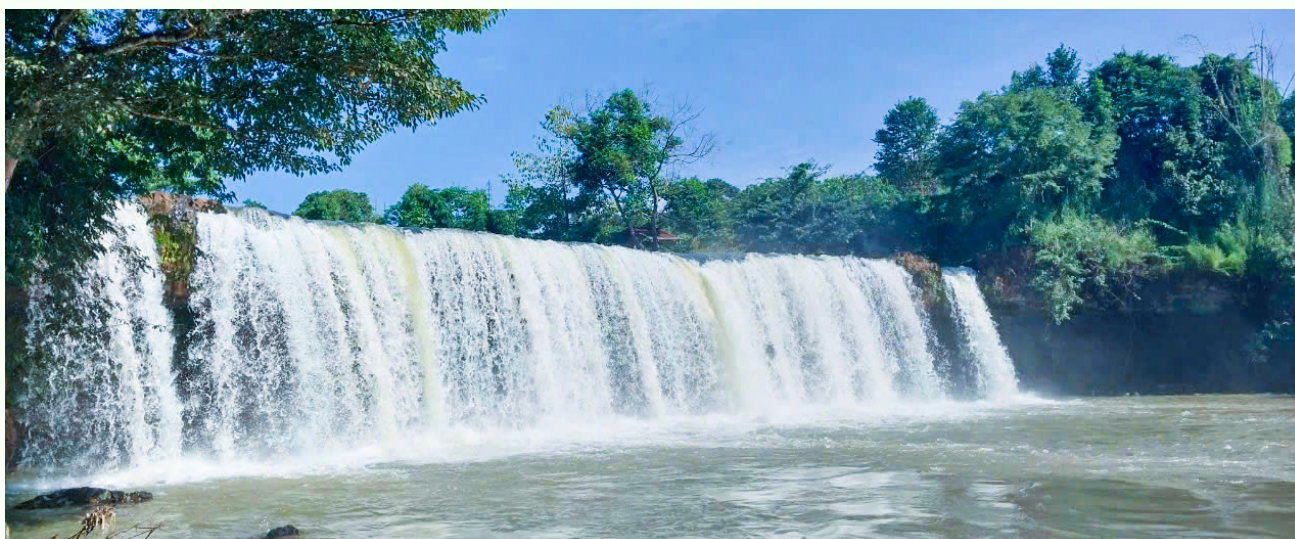
Điện thoại: 0243 795 6868 (3112)

Fax: 0243 941 2028

Thư điện tử: nhm.nbca@gmail.com

Website: <https://nbca.gov.vn/>

LỜI NÓI ĐẦU



Ảnh: Ngô Xuân Quý

Di sản thiên nhiên không chỉ mang lại các giá trị to lớn về kinh tế và môi trường, mà còn là nguồn giá trị văn hóa của đất nước. Bên cạnh những giá trị đặc trưng, độc đáo về cảnh quan thiên nhiên và giá trị đa dạng sinh học, nhiều di sản thiên nhiên đã và đang khẳng định vai trò là điểm đến du lịch trọng điểm quốc gia và quốc tế. Các di sản thiên nhiên được định hướng phát triển thành các trung tâm dịch vụ văn hóa, giải trí, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân và tạo động lực phát triển bền vững cho các địa phương cũng như cả nước.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế-xã hội, phát triển du lịch, tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu, các di sản thiên nhiên đã và đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Nguy cơ suy giảm các giá trị cốt lõi, bản sắc độc đáo, cùng với ô nhiễm và suy thoái môi trường gia tăng đã tác động không nhỏ đến môi trường di sản thiên nhiên. Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn đã tạo khung pháp lý tương đối đầy đủ, song trên thực tế vẫn còn thiếu các hướng dẫn kỹ thuật cụ thể trong việc triển khai các biện pháp quản lý môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, đặc biệt là điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên; xây dựng quy chế, kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.

Nhằm hỗ trợ các Ban quản lý, tổ chức được giao quản lý di sản thiên nhiên; Ủy ban nhân dân các cấp; các Sở, ban ngành và các tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường đã nghiên cứu, biên soạn “Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên”.

Phạm vi của Sổ tay này bao gồm: hướng dẫn thực hiện điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên;

Theo quy định tại Luật BVMT 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

xây dựng, phê duyệt quy chế quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xây dựng, phê duyệt kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên. Việc xác lập, công nhận di sản thiên nhiên; xác lập ranh giới di sản thiên nhiên; xác định các giá trị cốt lõi của di sản thiên nhiên không thuộc phạm vi Sổ tay này.

Các di sản thiên nhiên quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 20, Luật Bảo vệ môi trường gồm: vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan được xác lập theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; danh lam thắng cảnh được công nhận theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Đối với các di sản thiên nhiên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy chế, kế hoạch, phương án quản lý trước ngày 01/01/2022 Ban quản lý hoặc tổ được chức được giao quản lý di sản thiên nhiên tham khảo để xây dựng, lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên trong quy chế, kế hoạch, phương án quản lý để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, cuốn Sổ tay khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Cơ quan soạn thảo rất mong nhận được ý kiến đóng góp để cập nhật, tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới.

Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Bộ Nông nghiệp và Môi trường trân trọng giới thiệu cuốn Sổ tay hướng dẫn./.

Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học



Ảnh: Phạm Hoàng Việt

MỤC LỤC

PHẦN 1. HƯỚNG DẪN ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ DI SẢN THIÊN NHIÊN	7
1.1. TÓM TẮT QUY TRÌNH	8
1.2. CÁC BƯỚC ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ DI SẢN THIÊN NHIÊN	9
1.2.1. Bước 1. Rà soát, đánh giá hiện trạng thông tin, dữ liệu về di sản thiên nhiên	9
1.2.2. Bước 2. Điều tra, đánh giá diễn biến môi trường và các giá trị thiên nhiên của di sản thiên nhiên	9
1.2.3. Bước 3. Đánh giá tác động đến di sản thiên nhiên	11
1.2.4. Bước 4. Đánh giá các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của di sản thiên nhiên	12
1.2.5. Bước 5. Đề xuất phương hướng, kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	13
1.2.6. Bước 6. Xây dựng, hoàn thiện báo cáo kết quả điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên	13
PHẦN 2. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DI SẢN THIÊN NHIÊN	15
2.1. TÓM TẮT QUY TRÌNH	16
2.2. CÁC BƯỚC XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT QUY CHẾ	18
2.2.1. Bước 1. Các quy định chung	17
2.2.2. Bước 2. Các nội dung quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	18
2.2.3. Bước 3. Tổ chức thực hiện quy chế	21
2.2.4. Bước 4. Tổng hợp, hoàn thiện và phê duyệt quy chế	21
PHẦN 3. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DI SẢN THIÊN NHIÊN	22
3.1. TÓM TẮT QUY TRÌNH	23
3.2. CÁC BƯỚC XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH	24
3.2.1. Bước 1. Thông tin chung về di sản thiên nhiên	24
3.2.2. Bước 2. Mục tiêu và phạm vi	24
3.2.3. Bước 3. Các nhiệm vụ chủ yếu	24
3.2.4. Bước 4. Các chương trình, đề án, dự án ưu tiên	26
3.2.5. Bước 5. Giải pháp và tổ chức thực hiện	26
3.2.6. Bước 6. Tổng hợp, hoàn thiện và phê duyệt kế hoạch	27
PHỤ LỤC	28
Phụ lục 1. DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN DI SẢN THIÊN NHIÊN CẦN THU THẬP, RÀ SOÁT	29
Phụ lục 2. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN VÙNG DI SẢN THIÊN NHIÊN	33
Phụ lục 3. TỔNG HỢP QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG DI SẢN THIÊN NHIÊN	38
Phụ lục 4. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DI SẢN THIÊN NHIÊN	44
Phụ lục 5. NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ DI SẢN THIÊN NHIÊN	47
Phụ lục 6. NỘI DUNG QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DI SẢN THIÊN NHIÊN	49
Phụ lục 7. NỘI DUNG CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DI SẢN THIÊN NHIÊN	51

BẢNG VIẾT TẮT

BĐKH	Biến đổi khí hậu
BQL	Ban quản lý
BVMT	Bảo vệ môi trường
DSTN	Di sản thiên nhiên
ĐDSH	Đa dạng sinh học
NNMT	Nông nghiệp và Môi trường
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân



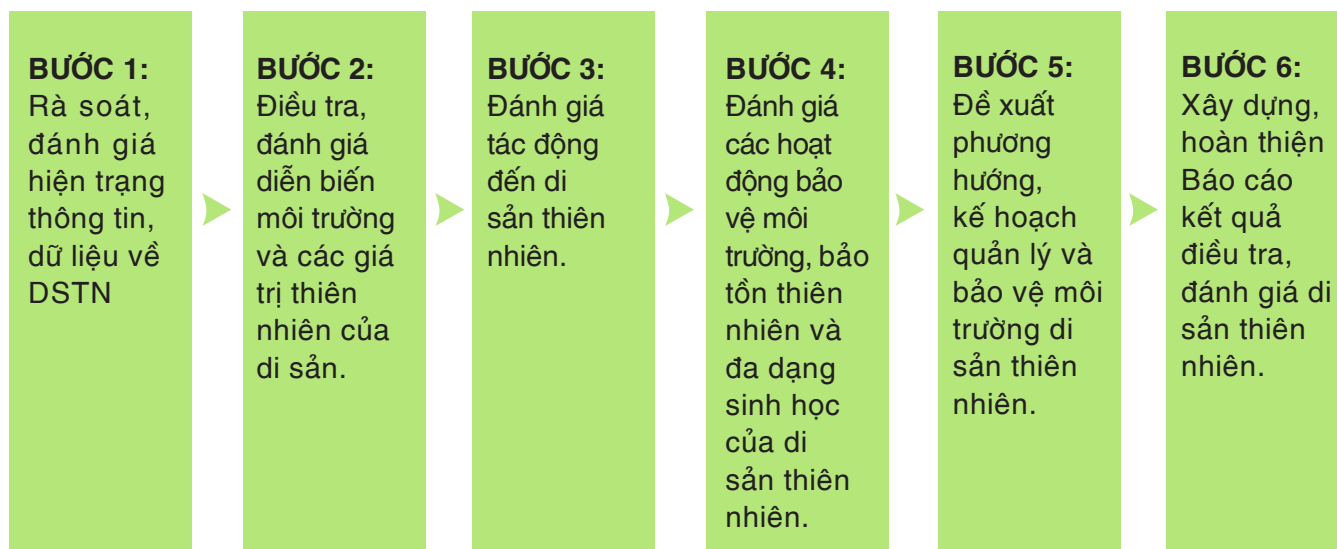
Ảnh: Phạm Hoàng Việt

PHẦN 1

HƯỚNG DẪN ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ DI SẢN THIÊN NHIÊN

1.1. TÓM TẮT QUY TRÌNH

Quy trình điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên gồm 06 bước được tóm tắt theo hình dưới đây.



Hình 1. Tóm tắt quy trình điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên

Ban quản lý hoặc cơ quan được giao quản lý DSTN có trách nhiệm xây dựng Dự thảo Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá DSTN theo nội dung được quy định tại Mẫu số 08, Phụ lục I, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



1.2. CÁC BƯỚC ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ DI SẢN THIÊN NHIÊN

1.2.1. Bước 1. Rà soát, đánh giá hiện trạng thông tin, dữ liệu về di sản thiên nhiên

1.2.1.1. Nội dung thực hiện

a) Rà soát, thu thập thông tin, dữ liệu

- Lập danh mục thông tin, dữ liệu, số liệu, tư liệu, bản đồ cần thu thập về DSTN; các nguồn dữ liệu/các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin.

Các thông tin thu thập bao gồm: (i) Thông tin chung; (ii) Các giá trị nổi bật của DSTN; (iii) Chất lượng môi trường DSTN (đất, nước, không khí); (iv) Sinh thái, cảnh quan và đa dạng sinh học của DSTN; (v) Hiện trạng kinh tế - xã hội trong DSTN; (vi) Các vấn đề về tai biến thiên nhiên, các quá trình tự nhiên; tác động của biến đổi khí hậu; các vấn đề xuyên biên giới (nếu có) và các mối đe dọa khác; (vii) Hoạt động quản lý, bảo tồn, bảo vệ môi trường DSTN; (viii) Thông tin khác có liên quan.

Thời gian cần thu thập thông tin trong phạm vi ít nhất 05 năm tính từ thời điểm thực hiện điều tra, đánh giá (**Phụ lục 1**).

- Tiến hành thu thập thông tin, dữ liệu theo danh mục đã lập thông qua thực hiện khảo sát hiện trường và phối hợp với các bên có liên quan.

b) Phân tích, đánh giá hiện trạng thông tin, dữ liệu

- Phân tích, đánh giá thông tin và dữ liệu hiện có nhằm xác định mức độ đầy đủ về số lượng và chất lượng, bao gồm xem xét tính xác thực, độ tin cậy, tính cập nhật, nguồn gốc và mức độ đáp ứng yêu cầu đánh giá DSTN.

- Sau khi phân tích, đánh giá, cần xác định các thông tin, dữ liệu, số liệu còn thiếu để bổ sung, cập nhật thông qua hoạt động điều tra, khảo sát và đánh giá DSTN.

c) Xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát, đánh giá di sản thiên nhiên bổ sung

- Xác định mục tiêu, nội dung, đối tượng, phạm vi điều tra khảo sát dựa trên danh mục các dữ liệu, số liệu còn thiếu, cần bổ sung, cập nhật đã được xác định ở trên.

- Lập kế hoạch điều tra, khảo sát, đánh giá DSTN, gồm: (i) Nội dung công việc cần triển khai; (ii) Phương án tổ chức thực hiện về nhân lực, trang thiết bị, thời gian; (iii) Kinh phí; (iv) Sản phẩm.

1.2.1.2. Phương pháp thực hiện

Để rà soát và đánh giá hiện trạng thông tin, dữ liệu về DSTN, có thể áp dụng các phương pháp sau: thu thập thông tin, tổng hợp tài liệu, phân tích, đánh giá.

1.2.2. Bước 2. Điều tra, đánh giá diễn biến môi trường và các giá trị thiên nhiên của di sản thiên nhiên

1.2.2.1. Nội dung thực hiện

a) Tổng hợp, phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội tại di sản thiên nhiên

- Tổng hợp, phân tích điều kiện tự nhiên, gồm: vị trí địa lý, địa hình, tài nguyên, khí hậu, thủy văn tại DSTN; phân tích diễn biến các yếu tố biến đổi khí hậu và thiên tai.

- Tổng hợp, phân tích các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội tại DSTN, gồm: các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, các áp lực lên môi trường DSTN.

b) Điều tra hiện trạng môi trường, đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và các giá trị cốt lõi của di sản thiên nhiên

- Lựa chọn địa điểm và vị trí các điểm điều tra hiện trạng DSTN, gồm: chất lượng môi trường, đa dạng sinh học và các giá trị cốt lõi khác của di sản thiên nhiên. Số lượng và vị trí các điểm/khu vực điều tra được xác định theo nguyên tắc đại diện, đồng thời ưu tiên các khu vực nhạy cảm hoặc có dấu hiệu ô nhiễm môi trường, suy thoái hệ sinh thái và suy giảm đa dạng sinh học.

- Chuẩn bị nhân lực, vật tư, trang thiết bị, máy móc phục vụ công tác điều tra, khảo sát, gồm: Thiết bị đo đạc, lấy mẫu, quan trắc; thiết bị ghi hình, định vị; trang phục bảo hộ và các mẫu biểu kỹ thuật cần thiết; tổ chức phân công nhiệm vụ và hướng dẫn cho cán bộ tham gia điều tra.

- Tiến hành điều tra, khảo sát tại hiện trường: Quan sát, mô tả hiện trạng môi trường, cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái đặc trưng; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và các hoạt động phát triển kinh tế- xã hội đang diễn ra tại DSTN; Đo đạc, khảo sát và quan trắc các thành phần môi trường (đất, nước, không khí...), đa dạng sinh học và các giá trị cốt lõi khác của di sản thiên nhiên tại các điểm điều tra đã xác định.

- Hiệu chỉnh số liệu điều tra, khảo sát thực địa: Kiểm tra, chỉnh lý tài liệu, số liệu điều tra, khảo sát thực địa sau mỗi ngày làm việc; rà soát, kiểm tra nội dung, khối lượng các công việc đã thực hiện ngoài thực địa; điều chỉnh kế hoạch, lộ trình nội dung điều tra (nếu cần).

- Xử lý và phân tích dữ liệu, phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm (nếu có): Tổng hợp, hệ thống hóa và chuẩn hóa số liệu thu thập từ thực địa; phân tích các mẫu tại phòng thí nghiệm; đối chiếu kết quả với các ngưỡng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

c) Đánh giá diễn biến môi trường, đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và các giá trị thiên nhiên cần bảo vệ, bảo tồn

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá diễn biến môi trường tại DSTN: Tổng hợp, phân tích diễn biến chất lượng môi trường đất, nước (nước mặt, nước dưới đất, nước biển), không khí theo giai đoạn tối thiểu 05 năm gần nhất. So sánh các chỉ tiêu, thông số môi trường thu thập được với các giá trị tham chiếu (quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường) để đánh giá xu hướng biến động và mức độ đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá diễn biến đa dạng sinh học và các giá trị thiên nhiên khác cần bảo vệ, bảo tồn của DSTN: Tổng hợp, phân tích diễn biến cảnh quan, đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và các giá trị thiên nhiên khác theo giai đoạn tối thiểu 05 năm gần nhất. So sánh các chỉ tiêu, thông số thu thập được với các giá trị tham chiếu để đánh giá sự thay đổi và mức độ bảo vệ, bảo tồn các giá trị thiên nhiên (đánh giá theo các tiêu chí xác lập, công nhận DSTN).

1.2.2.2. Phương pháp thực hiện

- Phương pháp lấy mẫu, quan trắc chất lượng môi trường: áp dụng theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Phương pháp điều tra, đánh giá hiện trạng ĐDSH, dịch vụ hệ sinh thái và các giá trị cốt lõi của DSTN áp dụng theo các văn bản sau:

- + Điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái và môi trường biển: Thông tư số 60/VBHN-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Quy định về điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo; Thông tư số 31/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Quy định kỹ thuật điều tra, khảo sát hải văn, môi trường vùng ven bờ và hải đảo; Thông tư số 51/VBHN-BNNMT ngày 29/8/2025 quy định kỹ thuật điều tra, khảo sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển độ sâu từ 20m nước trở lên bằng tàu biển.

- + Điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng: Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BNNPTNT ngày 25/01/2024 quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

+ Điều tra, quan trắc, đánh giá hiện trạng các loài nguy cấp, quý hiếm: Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/06/2025 quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

+ Điều tra đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản: Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản và Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản; Quyết định số 4947/QĐ-BNN-TCTS ngày 20/12/2022 hướng dẫn kỹ thuật điều tra, đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của nguồn lợi thủy sản vùng nội địa.

+ Điều tra, đánh giá di sản địa chất, công viên địa chất: Thông tư số 50/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 quy định nội dung công tác điều tra, đánh giá di sản địa chất, công viên địa chất.

+ Thống kê, kiểm kê đất ngập nước, quan trắc các vùng đất ngập nước quan trọng: Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020 quy định chi tiết các nội dung tại điểm c khoản 1 điều 31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

+ Quy trình kỹ thuật kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học: Thông tư số 53/2024/TT-BTNMT ngày 31/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình kỹ thuật kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học.

+ Đánh giá dịch vụ hệ sinh thái: Điều 124. Lập đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Điều 75, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

1.2.3. Bước 3. Đánh giá tác động đến di sản thiên nhiên

1.2.3.1. Nội dung thực hiện

a) Đánh giá các tác động từ hoạt động phát triển kinh tế-xã hội

- Xác định các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội hiện tại tác động xấu đến DSTN: (i) Các hoạt động phát triển các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp; tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng; phát triển du lịch, dịch vụ (y tế, thương mại...);

(ii) Các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng bao gồm: hạ tầng đô thị, khu dân cư; hạ tầng giao thông; hạ tầng năng lượng, viễn thông; hạ tầng công nghiệp....

- Nhận diện các nguồn gây tác động từ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố chịu tác động (như suy giảm chất lượng nước, ô nhiễm không khí, gia tăng chất thải rắn, các sự cố môi trường, suy giảm đa dạng sinh học...).

- Phân tích, đánh giá các tác động phát sinh từ hoạt động phát triển kinh tế-xã hội đến các yếu tố môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan và các giá trị nổi bật khác của DSTN

- Xác định khu vực dễ bị tổn thương hoặc tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường.

b) Đánh giá các tác động từ các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, dịch vụ hệ sinh thái

- Xác định các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, dịch vụ HST trong vùng lõi, vùng đệm của DSTN hiện tại và dự báo các tác động, gồm: (i) Hoạt động du lịch: loại hình du lịch, quy mô du khách, hạ tầng phục vụ du lịch; (ii) Hoạt động khai thác tài nguyên: lấy gỗ, đánh bắt thủy sản, thu hái lâm sản ngoài gỗ, sử dụng đất cho canh tác, nuôi trồng...; (iii) Hoạt động dịch vụ hệ sinh thái: sử dụng nước, cảnh quan văn hóa....

- Nhận diện các nguồn gây tác động từ các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên thiên

nhiên, dịch vụ HST và các yếu tố chịu tác động như: suy giảm chất lượng nước, ô nhiễm không khí, gia tăng chất thải rắn, các sự cố môi trường, suy giảm đa dạng sinh học... .

- Phân tích, đánh giá các tác động lên môi trường và các giá trị có liên quan đến DSTN, gồm: (i) Lượng chất thải phát sinh từ các hoạt động liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên, dịch vụ hệ sinh thái; (ii) Thay đổi sử dụng đất (nếu có); (iii) Các áp lực khác.

c) Đánh giá các tác động khác tới di sản thiên nhiên

Đánh giá các tác động khác tới DSTN, gồm:

- Tổng hợp, phân tích diễn biến của biến đổi khí hậu và thiên tai tới tại khu vực DSTN, gồm: (i) sự thay đổi nhiệt độ; (ii) sự thay đổi lượng mưa; (iii) nước biển dâng (nếu có); (iv) sự gia tăng các hiện tượng cực đoan (nắng nóng, bão, lũ, lũ quét, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển...).

- Nhận diện và xác định các yếu tố (môi trường, đa dạng sinh học và các giá trị nổi bật của DSTN) chịu ảnh hưởng do biến đổi khí hậu.

- Đánh giá các tác động do biến đổi khí hậu và thiên tai đến môi trường, đa dạng sinh học và các giá trị thiên nhiên khác của DSTN.

- Tổng hợp, phân tích, dự báo diễn biến và đánh giá tác động từ các mối đe dọa khác tới DSTN (động đất, sóng thần, các tác động xuyên biên giới...).

- Trong trường hợp cần thiết và có điều kiện về nguồn lực thì thực hiện thêm nội dung về đánh giá tính dễ bị tổn thương và sức chịu tải môi trường của DSTN.

1.2.3.2. Phương pháp thực hiện

- Phương pháp đánh giá tác động của biến đổi khí hậu: áp dụng theo Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phương pháp liệt kê: được sử dụng để phân tích hoạt động phát triển, chọn ra một số thông số liên quan đến môi trường, liệt kê ra và cho các số liệu liên quan đến các thông số.

- Phương pháp ma trận: phương pháp này liệt kê đồng thời các hoạt động phát triển và danh mục các điều kiện hoặc các đặc trưng môi trường có thể bị tác động; kết hợp các liệt kê này dưới dạng tọa độ.

- Phương pháp đánh giá nhanh: đánh giá dựa vào hệ số phát thải ô nhiễm, từ đó có thể đánh giá tác động của các nguồn gây ô nhiễm đến môi trường.

- Phương pháp mô hình: sử dụng các mô hình để đánh giá khả năng lan truyền chất ô nhiễm, mức độ ô nhiễm, ước tính giá trị các thông số chi phí, lợi ích.

- Phương pháp chồng chập bản đồ/GIS: Dựa trên các yếu tố môi trường và đa dạng sinh học được thể hiện trên các bản đồ (địa hình, đất, phân bố dân cư, thảm thực vật, đa dạng sinh học....) được chồng lớp để xác định sơ bộ vị trí và các hoạt động khai thác có ảnh hưởng đến DSTN.

1.2.4. Bước 4. Đánh giá các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của di sản thiên nhiên

1.2.4.1. Nội dung thực hiện

- Đánh giá các hoạt động phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ, bảo tồn các giá trị của thiên nhiên và đa dạng sinh học của DSTN bao gồm: Liệt kê và tổng hợp các hoạt động đã triển khai; đánh giá các kết quả triển khai các hoạt động, các hạn chế, tồn tại và nguyên nhân.

- Đánh giá các giải pháp về bảo vệ môi trường DSTN theo quy định của pháp luật gồm:

Liệt kê các giải pháp đã triển khai; đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân.

Ghi chú: Việc đánh giá các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của DSTN ở mục này dựa trên các thông tin, số liệu đã điều tra, khảo sát ở Bước 2.

1.2.4.2. Phương pháp thực hiện

Để triển khai bước này, có thể sử dụng kết hợp các phương pháp như phân tích, tổng hợp tài liệu; phương pháp chuyên gia; phương pháp so sánh; phân tích mô hình ma trận SWOT....

1.2.5. Bước 5. Đề xuất phương hướng, kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

1.2.5.1. Nội dung thực hiện

- Đề xuất các nhiệm vụ/chương trình/dự án nhằm phòng ngừa, phục hồi môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Ưu tiên các nhiệm vụ, chương trình, dự án nhằm phòng ngừa các nguy cơ đang và sẽ có tác động nghiêm trọng đến các giá trị cốt lõi, chất lượng môi trường DSTN.

- Đề xuất các giải pháp về nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực quản lý, huy động nguồn lực, ứng dụng khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường DSTN.

- Đề xuất các giải pháp quản lý, chia sẻ và sử dụng hiệu quả các nguồn thông tin, dữ liệu điều tra, kiểm kê, đánh giá hiện trạng DSTN (rừng, sử dụng đất, vùng đất ngập nước, các loài nguy cấp quý, hiếm...).

1.2.5.2. Phương pháp thực hiện

Để triển khai bước này, có thể sử dụng kết hợp các phương pháp như phân tích, tổng hợp tài liệu; phương pháp chuyên gia; phương pháp so sánh; phân tích mô hình ma trận SWOT...

Việc đề xuất phương hướng, kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường DSTN trong thời gian tới ở mục này dựa trên các thông tin, số liệu đã điều tra, khảo sát, đánh giá ở Bước 2, 3, 4.

1.2.6. Bước 6. Xây dựng, hoàn thiện báo cáo kết quả điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên

1.2.6.1. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng Dự thảo Báo cáo

- Dự thảo Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá DSTN cần được xây dựng theo hướng dẫn tại Mẫu số 08, Phụ lục I, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, bao gồm các nội dung sau:

- + Thông tin chung về DSTN
- + Diễn biến môi trường và các giá trị thiên nhiên của DSTN
- + Các hoạt động tác động đến DSTN
- + Các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của DSTN
- + Tổng hợp kết quả điều tra DSTN theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có)
- + Phương hướng, kế hoạch trong 5 năm tới; đề xuất, kiến nghị.

+ Các phụ lục, gồm: (i) Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài bản địa, loài đặc hữu; (ii) Các kiểu, loại hình hệ sinh thái và sự phân bố trong khu vực DSTN; (iii) Kết quả quan trắc chất lượng môi trường, đa dạng sinh học DSTN; (iv) Danh mục các văn bản áp dụng và ban hành trong quản lý, bảo vệ môi trường DSTN; (v) Danh mục các chương trình, dự án, đề tài trong nước và quốc tế liên quan đến quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học DSTN; (v) Các phụ lục khác (nếu có).

b) Hoàn thiện Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên

- Tổ chức các Hội thảo tham vấn, lấy ý kiến các bên liên quan, bao gồm: (i) Đối với DSTN do UBND cấp tỉnh quản lý: các Sở, ban, ngành, cộng đồng địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học...; (ii) Đối với DSTN do Bộ, ngành quản lý: các sở, ban, ngành, cộng đồng địa phương nơi có DSTN, các Bộ, ngành, các chuyên gia, nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học....

- Hoàn thiện Dự thảo Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá DSTN theo các ý kiến góp ý: bổ sung, chỉnh sửa các thông tin, số liệu; chỉnh lý nhận định, đánh giá.

1.2.6.2. Phương pháp thực hiện

Để triển khai bước này, có thể sử dụng kết hợp các phương pháp phân tích, xử lý thông tin, số liệu, tổng hợp; phương pháp chuyên gia; phương pháp so sánh; phân tích ma trận, phương pháp SWOT, phương pháp tham vấn....



Ảnh: Phạm Hạnh Nguyên



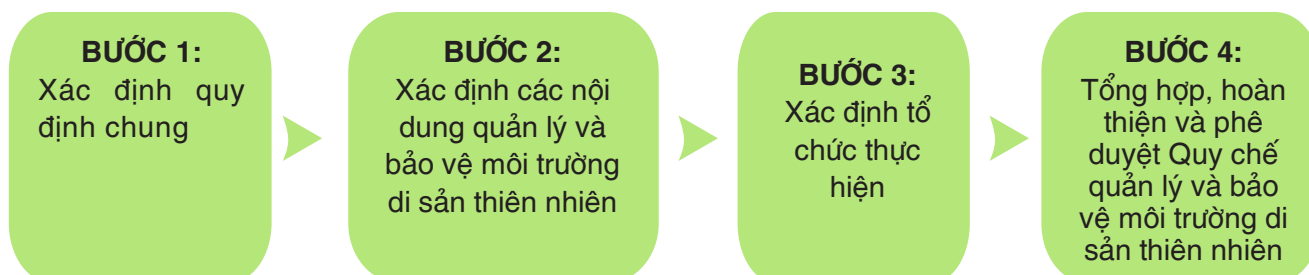
Ảnh: Phạm Hoàng Việt

PHẦN 2

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DI SẢN THIÊN NHIÊN

2.1. TÓM TẮT QUY TRÌNH

Việc xây dựng và phê duyệt Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường đối với DSTN được thực hiện theo 4 bước dưới đây. Nội dung thực hiện cụ thể trong từng bước sẽ được đề cập trong hướng dẫn chi tiết.



Hình 2. Tóm tắt quy trình xây dựng và phê duyệt Quy chế

Ban quản lý hoặc cơ quan được giao quản lý DSTN có trách nhiệm xây dựng Dự thảo Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường DSTN với nội dung được quy định tại Mẫu số 9, Phụ lục I, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Ảnh: Ngô Xuân Quý



2.2. CÁC BƯỚC XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT QUY CHẾ

2.2.1. Bước 1. Các quy định chung

2.2.1.1. Xác định phạm vi điều chỉnh

- Về nội dung, quy định chi tiết các hoạt động bảo vệ, bảo tồn các giá trị thiên nhiên và môi trường của DSTN; quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, bảo vệ môi trường DSTN.

- Về không gian, toàn bộ khu vực DSTN đã được xác lập trong Quyết định thành lập/công nhận DSTN do cơ quan có thẩm quyền ban hành và còn hiệu lực. Nêu rõ vị trí địa lý, ranh giới, diện tích, tọa độ của các phân vùng.

2.2.1.2. Xác định đối tượng áp dụng

- Đối tượng áp dụng Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường DSTN là các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến DSTN.

2.2.1.3. Giải thích từ ngữ

Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường DSTN có thể giải thích các thuật ngữ sau: (i) Định nghĩa về DSTN cụ thể tại Quy chế, trong đó nêu bật giá trị cốt lõi của DSTN trong quyết định công nhận/thành lập; (ii) Tính toàn vẹn, tính xác thực của DSTN; (iii) Các thuật ngữ có liên quan khác.

2.2.1.4. Các quy định chung khác

Quy chế có thể đưa ra một số quy định chung sau:

- Mục tiêu của quản lý và bảo vệ môi trường của DSTN: bảo vệ, duy trì nguyên vẹn các giá trị thiên nhiên cần được bảo vệ, bảo tồn của DSTN; BVMT, bảo tồn ĐDSH của DSTN.

- Các hoạt động không được phép: Căn cứ điều kiện cụ thể của DSTN, có thể liệt kê đầy đủ các hoạt động không được phép theo quy định của pháp luật, như:

- + Hoạt động xâm hại đến các giá trị cốt lõi của DSTN.
- + Hoạt động xâm hại đến đa dạng sinh học và hệ sinh thái khu vực DSTN
- + Khai thác, sử dụng tài nguyên trái quy định, làm suy thoái môi trường; suy giảm đa dạng sinh học.
- + Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.
- + Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, vi rút độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác.
- + Vi phạm các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.
- + Tuyên truyền, giới thiệu sai lệch các giá trị DSTN.
- + Các hoạt động có hại khác.

2.2.1.5. Thông tin về ranh giới di sản thiên nhiên

Nêu rõ tên gọi, phân nhóm, phân cấp của DSTN đã được xác định trong Quyết định thành lập/công nhận DSTN. Nêu rõ vị trí, diện tích, ranh giới và phân vùng của DSTN đã được xác lập theo Quyết định thành lập/công nhận do cơ quan có thẩm quyền ban hành và còn hiệu lực.

2.2.1.6. Xác định nội dung phân vùng DSTN

Nêu rõ phân vùng của DSTN (bao gồm vùng lõi, vùng đệm và vùng chuyển tiếp (nếu có)) đã được xác lập theo Quyết định thành lập/công nhận được cơ quan có thẩm quyền ban hành và còn hiệu lực.

Đối với các DSTN đã được thành lập mà chưa xác định được vùng chuyển tiếp, có thể xác định bổ sung vị trí, diện tích, ranh giới vùng chuyển tiếp của DSTN theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: “Vùng chuyển tiếp bao gồm các khu vực nằm liên kết với vùng đệm, nơi diễn ra các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội cần được kiểm soát để phù hợp, hài hòa với mục tiêu bảo vệ, bảo tồn của việc xác lập, công nhận DSTN”. Ngoài ra, cần lưu ý các quy định cụ thể về khoanh vùng khu vực hoạt động khoáng sản, đảm bảo không vi phạm vùng lõi và vùng đệm của DSTN. Các quy định phân vùng DSTN theo các văn bản pháp luật liên quan (**Phụ lục 2**).

2.2.2. Bước 2. Các nội dung quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

2.2.2.1. Xác định các quy định về quản lý các hoạt động trong di sản thiên nhiên

a) Các quy định chung cho các phân vùng

- Về bảo vệ, bảo tồn giá trị cốt lõi của di sản thiên nhiên, phát triển và sử dụng bền vững các dịch vụ hệ sinh thái, bao gồm: quy định về bảo vệ, bảo tồn nguyên vẹn các giá trị cốt lõi và ĐDSH của DSTN; quy định về duy trì, phát triển và sử dụng bền vững các dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên của DSTN; quy định về bảo tồn và phục hồi nguyên trạng đối với các hệ sinh thái tự nhiên trong DSTN; quy định về cải tạo, phục hồi môi trường đất, môi trường nước trong DSTN đã bị ô nhiễm, suy thoái được xác định trong quá trình đánh giá DSTN.

- Về kiểm soát các nguy cơ gây tác động xấu đến di sản thiên nhiên

- + Quy định về các hoạt động liên kết và giám sát các hoạt động đầu tư, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong khu vực DSTN; phối hợp cấp phép đối với các hoạt động trong DSTN.

- + Quy định về khai thác bền vững tài nguyên tự nhiên được phép thực hiện; cụ thể về đối tượng được phép khai thác, sử dụng; phạm vi, hạn mức, hình thức khai thác, sử dụng; yêu cầu về bảo vệ môi trường; quyền và trách nhiệm của người khai thác, sử dụng; báo cáo, theo dõi, giám sát môi trường.

- + Quy định về kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong DSTN: (i) trong vùng lõi - được kiểm soát như đối với vùng bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định về phân vùng môi trường; (ii) trong vùng đệm - được kiểm soát như đối với vùng hạn chế phát thải. Tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của DSTN, các quy định này có thể bao gồm: các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội; hoạt động nông lâm thủy sản...

- + Quy định về kiểm soát các hoạt động phát sinh chất thải trong DSTN: hệ thống trang thiết bị, bố trí nguồn lực cho các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải phát sinh trong khu vực DSTN theo từng phân vùng.

- + Quy định về các hoạt động phòng chống rủi ro, thiên tai, thảm họa thiên nhiên, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu và kết quả đánh giá tác động của các nguy cơ trên, xây dựng các quy định để phòng chống các nguy cơ.

Chi tiết quy định pháp luật về hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường DSTN (**Phụ lục 3**).

- Về quan trắc, điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên

- + Quy định về hoạt động quan trắc, điều tra, đánh giá, theo dõi, giám sát, kiểm kê, báo cáo về các chỉ số đặc trưng về môi trường, cảnh quan, sinh thái, đa dạng sinh học của DSTN theo định kỳ 05 năm/lần.

- + Quy định về việc quan trắc, giám sát môi trường.
- + Quy định về việc kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học.
- Về các hoạt động khác trong di sản thiên nhiên

+ Các quy định khác về bảo vệ môi trường, ngăn ngừa, kiểm soát các tác động tới môi trường, đa dạng sinh học DSTN theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định của các điều ước quốc tế về môi trường và đa dạng sinh học mà Việt Nam đã ký kết.

+ Quy định về nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học tập trong DSTN, bao gồm: các lĩnh vực nghiên cứu (điều tra, đánh giá các nguy cơ; nghiên cứu các dịch vụ hệ sinh thái; công nghệ bảo vệ, bảo tồn DSTN; cơ chế quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến DSTN...); các hoạt động giảng dạy, đào tạo; các hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo, bảo vệ, bảo tồn DSTN.

+ Quy định về tuyên truyền nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường, tài nguyên của DSTN.

+ Quy định về phối hợp, thực hiện bảo vệ DSTN đối với các cấp quản lý và các bên liên quan; các biện pháp kịp thời ngăn ngừa những tác động xấu đến DSTN.

+ Các quy định khác liên quan đến bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với các DSTN có vị trí đặc thù.

b) Các quy định đối với hoạt động trong vùng lõi

- Quy định về kiểm soát các hoạt động trong vùng lõi như đối với vùng bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định về phân vùng môi trường của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Quy định về nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, kinh doanh; xây dựng (ngoại trừ các công trình thiết yếu); khai thác, lấn chiếm, xâm hại đến các giá trị cốt lõi của DSTN; các hoạt động có nguy cơ làm suy thoái, hủy hoại DSTN.

Đối với vùng lõi là vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan, cần bổ sung quy định thực hiện theo pháp luật về ĐDSH, lâm nghiệp và thủy sản đối với từng phân khu: bảo vệ nghiêm ngặt, phục hồi hệ sinh thái và dịch vụ hành chính.

c) Các quy định đối với hoạt động trong vùng đệm và vùng chuyển tiếp

- Quy định về kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ được phép trong vùng đệm DSTN như đối với vùng hạn chế phát thải theo quy định về phân vùng môi trường của pháp luật về bảo vệ môi trường; tuân thủ theo các quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, khí thải áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

- Quy định về di dời hoặc chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ và các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với các doanh nghiệp, cơ sở trong vùng đệm chưa đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

- Quy định về các hoạt động cư trú, sinh hoạt của dân cư trong DSTN. Tùy điều kiện cụ thể, trong DSTN có thể có cư dân sinh sống trong vùng đệm, vùng chuyển tiếp. Các quy định bao gồm: Quyền và trách nhiệm của cư dân sống hợp pháp trong DSTN trong việc tham gia vào quản lý và bảo vệ môi trường; Quy định về quản lý đất đai trong phạm vi DSTN; Quy định về xây dựng nhà cửa trong phạm vi DSTN; Các hoạt động sản xuất, kinh doanh quy mô hộ gia đình được phép trong phạm vi DSTN và yêu cầu về bảo vệ môi trường DSTN theo từng hoạt động; Các hoạt động bị cấm, mức phạt và trách nhiệm bồi thường, phục hồi môi trường trong tình huống gây thiệt hại đến DSTN.

2.2.2.2. Xác định tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

a) Xác định phương án tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

Để quản lý và bảo vệ môi trường DSTN, cơ quan quản lý thành lập Ban quản lý hoặc tổ chức quản lý. Tùy vào điều kiện, loại hình cụ thể của DSTN việc thành lập Ban Quản lý hoặc giao tổ chức quản lý được thực hiện theo quy định tại điểm c, d, Khoản 6, Điều 21, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Khoản 4, Điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Đối với DSTN thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

+ Trường hợp DSTN là khu bảo tồn thiên nhiên được thành lập Ban Quản lý hoặc giao tổ chức quản lý DSTN theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản.

+ Trường hợp DSTN có các khu bảo tồn thiên nhiên do các ban quản lý khác nhau quản lý hoặc được giao cho các tổ chức khác nhau quản lý thì UBND cấp tỉnh quyết định việc sắp xếp hoặc chỉ giao một Ban Quản lý hoặc một tổ chức có năng lực và bảo đảm nguồn lực quản lý DSTN đó. Hoặc UBND cấp tỉnh quyết định mô hình Ban Quản lý hoặc giao tổ chức quản lý DSTN phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Đối với DSTN nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc nằm trên vùng biển chưa xác định được trách nhiệm quản lý hành chính của UBND cấp tỉnh thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mô hình tổ chức quản lý hoặc sáp nhập hoặc giao một ban quản lý hoặc giao một tổ chức quản lý DSTN đó.

- Đối với khu dự trữ sinh quyển thế giới và công viên địa chất toàn cầu nằm trên địa bàn rộng, có các khu vực sản xuất, khu dân cư, UBND cấp tỉnh thành lập Ban quản lý liên ngành và bảo đảm nguồn lực hoạt động để quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học theo quy định tại các điểm c, d khoản 6 Điều 21 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Khoản 4, Điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP, đồng thời đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Về cơ cấu tổ chức Ban quản lý DSTN, tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, quy mô, loại hình, Ban quản lý hoặc tổ chức được giao quản lý DSTN có thể có các phòng, ban trực thuộc, ví dụ: văn phòng; quản lý, kiểm soát môi trường; bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái; truyền thông, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế... .

b) Xác định vai trò, chức năng của Ban quản lý, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

- Về vai trò, chức năng, Ban quản lý chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức của UBND cấp tỉnh hoặc Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Ban quản lý có chức năng tham mưu cho các cơ quan quản lý DSTN, xây dựng trình ban hành và thực hiện các quy chế, kế hoạch đã được phê duyệt.

- Về trách nhiệm, Ban quản lý có trách nhiệm tổ chức, huy động lực lượng và nguồn lực, quản lý và bảo vệ môi trường DSTN theo quy định của pháp luật, các quy chế, kế hoạch đã được phê duyệt; được bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường DSTN; tổ chức giám sát, kịp thời ngăn chặn hành vi xâm hại DSTN; tổ chức bán vé, thu phí tham quan và dịch vụ; quản lý, sử dụng nguồn thu theo quy định của pháp luật; tuyên truyền nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng vào việc bảo vệ và quản lý DSTN; tham gia quản lý, liên kết và giám sát các hoạt động đầu tư, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong DSTN; thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao (quy định tại Khoản 4, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

Các quy định pháp luật liên quan đến trách nhiệm quản lý bảo vệ môi trường DSTN (**Phụ lục 4**).

2.2.2.3. Xác định nguồn lực và tài chính cho quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

- Quy định về bố trí nguồn nhân lực và phân công trách nhiệm cho quản lý và bảo vệ môi trường DSTN: quy định trách nhiệm của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Ban quản lý.
- Quy định về nguồn lực tài chính cho quản lý và bảo vệ môi trường DSTN, bao gồm:
 - + Nguồn ngân sách Nhà nước, theo quy định của Luật Ngân sách bao gồm chi thường xuyên cho sự nghiệp môi trường, chi đầu tư phát triển, nguồn đối ứng của địa phương.
 - + Nguồn vốn ngoài ngân sách, gồm nguồn vốn của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; nguồn vốn từ các chương trình/dự án hợp tác quốc tế.
 - + Các nguồn khác gồm: nguồn thu từ dịch vụ môi trường, thuê môi trường rừng; dịch vụ hệ sinh thái và lợi nhuận từ các hoạt động dịch vụ tại DSTN; nguồn thu từ việc bồi thường thiệt hại do việc xâm hại DSTN và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường gây ra trong phạm vi DSTN.
- Quy định về bố trí cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho quản lý và bảo vệ môi trường DSTN: trụ sở hoạt động; phương tiện giao thông; trang thiết bị quan trắc... .

2.2.3. Bước 3. Tổ chức thực hiện quy chế

- Quy định về quyền hạn, trách nhiệm của Ban quản lý, cơ quan hoặc tổ chức được giao quản lý DSTN; UBND cấp xã có ranh giới hoặc diện tích nằm trong DSTN.
- Quy định trách nhiệm phối hợp quản lý và bảo vệ môi trường DSTN giữa tổ chức được giao quản lý DSTN với cơ quan, tổ chức có liên quan và cộng đồng sống trong và xung quanh DSTN.
- Quy định trách nhiệm của các đơn vị có liên quan như: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Công thương, Sở Xây dựng... .
- Quy định về tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

2.2.4. Bước 4. Tổng hợp, hoàn thiện và phê duyệt quy chế

- Tổng hợp Dự thảo Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường DSTN.
- Tổ chức tham vấn các bên liên quan về Dự thảo Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường DSTN. Đối với DSTN nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc nằm trên vùng biển chưa xác định được trách nhiệm quản lý hành chính của UBND cấp tỉnh, Dự thảo Quy chế phải được gửi lấy ý kiến của UBND cấp tỉnh có ranh giới diện tích thuộc DSTN, các Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan.
- Ban Quản lý nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, hoàn thiện Dự thảo Quy chế trình các cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành.

Hồ sơ trình ban hành quy chế bao gồm: Tờ trình, Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện Dự thảo Quy chế; văn bản góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan, theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.



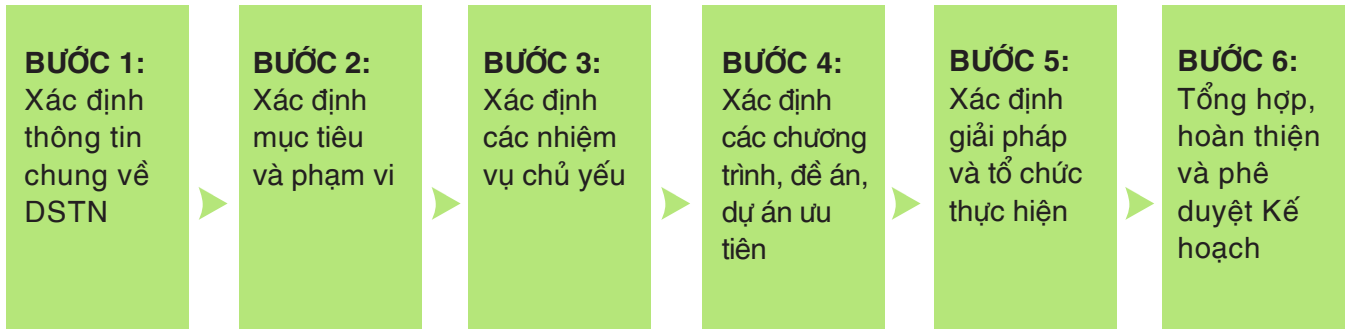
Ảnh: Phạm Hoàng Việt

PHẦN 3

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DI SẢN THIÊN NHIÊN

3.1. TÓM TẮT QUY TRÌNH

Việc xây dựng và phê duyệt Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường DSTN được thực hiện theo quy trình gồm 06 bước theo hình dưới đây.



Hình 3: Tóm tắt quy trình xây dựng và phê duyệt Kế hoạch

Ban Quản lý hoặc cơ quan được giao quản lý DSTN có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường DSTN theo quy định tại Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Việc xây dựng Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường DSTN được thực hiện dựa trên Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá DSTN vào năm cuối của thời kỳ trước như đã hướng dẫn tại Phần 2 của Sổ tay.

- Nội dung Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường DSTN được quy định tại Mẫu số 10, Khoản 1, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Hướng dẫn thực hiện các bước cụ thể như dưới đây:

Ảnh: Phạm Hạnh Nguyên



3.2. CÁC BƯỚC XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH

3.2.1. Bước 1. Thông tin chung về di sản thiên nhiên

- Mô tả thông tin về DSTN, gồm: tên di sản; loại hình, phân cấp (nếu có); cơ sở pháp lý của việc thành lập, công nhận; vị trí địa lý, diện tích, ranh giới; các tiêu chí đáp ứng để được xác lập, công nhận di sản thiên nhiên.

- Mô tả tóm tắt điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; lịch sử - văn hóa của khu vực DSTN.

- Mô tả hiện trạng môi trường, cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của DSTN. Các tiêu chí đáp ứng DSTN và cộng đồng sinh sống bên trong, xung quanh DSTN. Trang thiết bị phòng chống thiên tai, cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ môi trường, tổ chức xử lý, thu gom rác thải.

- Cơ sở pháp lý xây dựng và ban hành kế hoạch quản lý, bảo vệ môi trường DSTN, bao gồm: Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn; văn bản pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản, di sản văn hóa; và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3.2.2. Bước 2. Mục tiêu và phạm vi

3.2.2.1. Xác định mục tiêu

- Dựa trên kết quả điều tra, đánh giá hiện trạng và đánh giá, dự báo các diễn biến của giá trị cốt lõi và các vấn đề môi trường và các kiến nghị, đề xuất đã được thực hiện ở **Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá DSTN** ở Phần 1, xác định mục tiêu của Kế hoạch, gồm:

+ Mục tiêu chung: Bảo vệ, bảo tồn, duy trì nguyên vẹn các giá trị thiên nhiên và các giá trị cốt lõi, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của DSTN.

+ Các mục tiêu cụ thể: (i) Bảo vệ, bảo tồn các giá trị cốt lõi của DSTN; (ii) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phục hồi nguyên trạng, khả năng thích ứng với các nguy cơ tại các khu vực quan trọng cần được ưu tiên bảo vệ trong DSTN; (iii) Bảo vệ môi trường DSTN; (iv) Kiểm soát, giảm nhẹ tác động của các yếu tố, nguy cơ có khả năng ảnh hưởng xấu tới DSTN.

Nếu có thể, lựa chọn các chỉ tiêu phù hợp với các mục tiêu để cho phép lượng hóa các mục tiêu cụ thể và theo dõi, đánh giá định kỳ thường xuyên.

3.2.2.2. Xác định phạm vi

- Về không gian, phạm vi của Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường DSTN theo ranh giới diện tích DSTN, bao gồm toàn bộ diện tích vùng lõi, vùng đệm và vùng chuyển tiếp (nếu có) của DSTN.

- Về thời gian, xác định năm bắt đầu và năm kết thúc kế hoạch. Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường DSTN có thời hạn là 05 năm.

3.2.3. Bước 3. Các nhiệm vụ chủ yếu

3.2.3.1. Điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên

- Hoạt động điều tra, đánh giá DSTN được thực hiện vào năm cuối của Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường DSTN, làm cơ sở để xây dựng Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường DSTN trong 05 năm tiếp theo.

- Nội dung điều tra, đánh giá DSTN như đã hướng dẫn tại các Bước 2, 3, 4, Phần 1, gồm các hoạt động sau:

+ Rà soát, đánh giá hiện trạng thông tin, dữ liệu về di sản thiên nhiên, bao gồm: Rà soát, thu thập thông tin, dữ liệu; Phân tích, đánh giá hiện trạng thông tin, dữ liệu hiện có; Xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát, đánh giá DSTN.

+ Điều tra, đánh giá diễn biến môi trường và các giá trị thiên nhiên của di sản, bao gồm: (i) Tổng hợp, phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội khu vực DSTN; (ii) Điều tra hiện trạng chất lượng môi trường, đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và các giá trị thiên nhiên của di sản; (iii) Đánh giá diễn biến chất lượng môi trường, đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và các giá trị thiên nhiên của di sản.

+ Đánh giá, dự báo tác động đến DSTN, bao gồm: (i) Đánh giá, dự báo các tác động từ hoạt động phát triển kinh tế-xã hội; (ii) Đánh giá, dự báo các tác động từ các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, dịch vụ hệ sinh thái; (iii) Đánh giá, dự báo các tác động khác tới DSTN.

+ Đánh giá các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của DSTN.

3.2.3.2. Quản lý và bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tại từng phân vùng di sản thiên nhiên

- Mô tả các phân vùng, ranh giới các phân vùng: vùng lõi, vùng đệm, vùng chuyển tiếp (nếu có) của DSTN. Đối với DSTN là vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài sinh cảnh và khu bảo vệ cảnh quan, thực hiện quy định tại Điều 5 Nghị định số 08/2022/NĐCP và các quy định cụ thể đối với phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ hành chính theo quy định pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản.

- Mô tả các hoạt động cụ thể dự kiến sẽ triển khai về quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tại từng phân vùng DSTN. Nội dung các hoạt động cần bám sát kết các mục tiêu đề ra của Kế hoạch, đồng thời phải dựa trên kết quả đánh giá DSTN của kỳ trước theo hướng dẫn ở Phần 1, bao gồm:

+ Bảo vệ, bảo tồn nguyên vẹn các giá trị cốt lõi của thiên nhiên và đa dạng sinh học của DSTN.

+ Bảo tồn và phục hồi nguyên trạng tự nhiên đối với các hệ sinh thái tự nhiên trong DSTN; duy trì, phát triển và sử dụng bền vững các dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên của DSTN.

+ Bảo vệ chất lượng môi trường DSTN; cải tạo, phục hồi môi trường đất, môi trường nước bị ô nhiễm, suy thoái trong DSTN.

+ Kiểm soát, giảm nhẹ tác động của các yếu tố, nguy cơ có khả năng ảnh hưởng xấu tới các thành phần của DSTN.

+ Điều tra, đánh giá, theo dõi, giám sát, kiểm kê, báo cáo về các thông số số đặc trưng về cảnh quan, sinh thái, đa dạng sinh học của DSTN.

3.2.3.3. Kế hoạch phục hồi, phát huy giá trị di sản thiên nhiên

- Xây dựng kế hoạch cụ thể và định kỳ theo từng giai đoạn nhằm phục hồi, bảo tồn và phát huy các giá trị của DSTN, bao gồm toàn bộ khu vực di sản cũng như từng phân vùng DSTN.

- Nội dung kế hoạch có thể bao gồm: Kế hoạch nghiên cứu khoa học; chương trình giảng dạy, học tập; Kế hoạch ứng phó với sự cố, rủi ro các yếu tố môi trường tác động đến di sản thiên nhiên....

3.2.3.4. Trang thiết bị kỹ thuật quản lý, bảo vệ di sản thiên nhiên

Trang thiết bị kỹ thuật cần được trang bị đầy đủ nhằm hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, bảo vệ môi trường và bảo tồn di sản thiên nhiên, bao gồm: Thiết bị thu gom, quản lý chất thải; thiết bị phục vụ phòng ngừa ứng phó với sự cố, rủi ro các yếu tố môi trường tác động đến di sản thiên nhiên; thiết bị quan trắc, giám sát môi trường; thiết bị phục vụ công tác thống kê, kiểm kê, quan trắc, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học; thiết bị cứu hộ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm; trang thiết bị bảo đảm an toàn sinh học và ngăn ngừa, kiểm soát các loài ngoại lai xâm hại; các trang thiết bị chuyên dụng khác phục vụ hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường DSTN.

3.2.3.5. Phương án tổ chức quản lý và bố trí nguồn lực cho quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

Mô tả phương án tổ chức quản lý và bố trí nguồn lực cho quản lý và bảo vệ môi trường DSTN, bao gồm: cơ cấu tổ chức, trách nhiệm của Ban quản lý DSTN; trách nhiệm theo dõi thực hiện của Ban quản lý và các đơn vị liên quan; nguồn lực tài chính, cụ thể là các nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch.

3.2.4. Bước 4. Các chương trình, đề án, dự án ưu tiên

3.2.4.1. Chương trình, đề án, dự án

Đề xuất các chương trình, đề án về quản lý và bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phục hồi và phát huy giá trị của DSTN. Các chương trình, đề án, dự án đề xuất cần dựa trên kết quả đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và tác động của các nguy cơ ở Phần 2. Đối với từng chương trình cần nêu rõ tên, mục tiêu, nội dung, kết quả và thời gian thực hiện, đơn vị thực hiện và kinh phí.

3.2.4.2. Các dự án đầu tư

Dựa trên kết quả đánh giá hiện trạng trang thiết bị kỹ thuật quản lý, bảo vệ DSTN và tác động của các nguy cơ (theo hướng dẫn ở Phần 1), đề xuất dự án đầu tư trang thiết bị kỹ thuật quản lý, bảo vệ DSTN như:

- Thu gom, quản lý chất thải, có thể bao gồm: thùng chứa chất thải, cơ sở tập kết chất thải đạt yêu cầu về môi trường; phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải đạt yêu cầu về môi trường; cơ sở, phương tiện xử lý chất thải đạt yêu cầu về môi trường...
- Phòng ngừa ứng phó với sự cố, rủi ro các yếu tố môi trường tác động đến di sản thiên nhiên (thiên tai, biến đổi khí hậu), bao gồm: công trình; phương tiện cứu hộ, cứu nạn; trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, y tế trong trường hợp khẩn cấp....
- Quan trắc, giám sát môi trường, có thể bao gồm: dụng cụ, thiết bị đo, lấy mẫu môi trường; bộ dụng cụ và hóa chất phân tích mẫu; phương tiện vận tải phục vụ quan trắc và điều tra khảo sát; hệ thống quan trắc môi trường tự động...
- Thống kê, kiểm kê, quan trắc, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học, bao gồm: trụ sở làm việc và máy móc, thiết bị xử lý, lưu trữ dữ liệu; phương tiện, dụng cụ, thiết bị điều tra, đánh giá tài nguyên đa dạng sinh học....
- Cứu hộ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm, bao gồm: phương tiện cứu hộ, vận chuyển; cơ sở và trang thiết bị cứu hộ, nhân nuôi động vật hoang dã; trang thiết bị thú y, kiểm dịch....
- Bảo đảm an toàn sinh học và ngăn ngừa, kiểm soát loài ngoại lai, xâm hại, bao gồm: phương tiện vận chuyển; các phương tiện, trang thiết bị về bảo đảm an toàn sinh học và ngăn ngừa, kiểm soát các loài ngoại lai xâm hại....
- Các trang thiết bị phục vụ hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường khác.

3.2.5. Bước 5. Giải pháp và tổ chức thực hiện

3.2.5.1. Giải pháp thực hiện

Nêu rõ các giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch, bao gồm: (i) Giải pháp về huy động nguồn lực, ví dụ nguồn lực tài chính từ xã hội hóa, từ hợp tác quốc tế; về nguồn nhân lực; (ii) Giải pháp về khoa học và công nghệ trong quản lý và bảo vệ môi trường DSTN; (iii) Giải pháp về liên kết giữa các địa phương, các ngành trong thực hiện Kế hoạch; (iv) Giải pháp về bảo đảm quốc phòng, an ninh; (v) Giải pháp truyền thông, nâng cao nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp, các bên liên quan về bảo vệ môi trường, gìn giữ giá trị của DSTN; (vi) Giải pháp khác.

3.2.5.2. Tổ chức thực hiện

Nêu rõ trách nhiệm của các bên liên quan; sự phối hợp giữa các bên, các địa phương, các sở, ban, ngành; các Bộ, ngành; mô tả cách thức tổ chức thực hiện Kế hoạch; lộ trình thực hiện kế hoạch; thời gian điều chỉnh Kế hoạch.

3.2.5.3. Kế hoạch giám sát, đánh giá và báo cáo định kỳ

Kế hoạch cần cung cấp các nội dung giám sát, đánh giá định kỳ về tình trạng quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: chỉ số cần giám sát; chu kỳ và thời gian giám sát hàng năm; tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm giám sát; những biện pháp bảo vệ cần thực hiện để ngăn chặn các nguy cơ tác động, ảnh hưởng tới DSTN.

3.2.6. Bước 6. Tổng hợp, hoàn thiện và phê duyệt kế hoạch

- Tổng hợp dự thảo Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường DSTN theo các bước trên, trong đó có thể đưa vào Phụ lục của Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường DSTN các nội dung sau: (i) Kế hoạch phục hồi, phát huy giá trị di sản thiên nhiên; (ii) Trang thiết bị kỹ thuật quản lý, bảo vệ di sản thiên nhiên; (iii) Phương án tổ chức quản lý và bố trí nguồn lực cho quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; (iv) Danh mục các chương trình, đề án, dự án ưu tiên (nêu rõ tên, mục tiêu, hoạt động, sản phẩm, thời gian thực hiện, đơn vị chủ trì, kinh phí); (v) Khung giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện Kế hoạch.

- Xây dựng dự thảo Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường DSTN, tổ chức tham vấn, lấy ý kiến các bên liên quan, sau đó tổ chức hoàn thiện.

- Dự thảo Kế hoạch đã hoàn thiện cần trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 4, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP: (i) Đối với DSTN trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt; (ii) Đối với DSTN trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên hoặc trên vùng biển chưa xác định địa phương quản lý, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt.

Hồ sơ trình ban hành Kế hoạch bao gồm: Tờ trình, Dự thảo Quyết định ban hành Kế hoạch; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện Dự thảo Kế hoạch; văn bản góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan, theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.



Ảnh: Phạm Hoàng Việt

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN DI SẢN THIÊN NHIÊN CẦN THU THẬP, RÀ SOÁT

TT	Nhóm thông tin, dữ liệu	Thông tin, dữ liệu cụ thể cần thu thập
1	Thông tin chung về DSTN	- Tên DSTN. - Tọa độ địa lý (Kinh độ, vĩ độ). - Đơn vị hành chính. - Cao trình (mét, trung bình và tối đa, tối thiểu so với mực nước biển). - Diện tích. - Đơn vị quản lý. - Các đặc điểm tự nhiên (địa lý, khí hậu, thủy văn...) liên quan đến thiên tai trong phạm vi di sản thiên nhiên. - Thiên tai và BĐKH: loại thiên tai, tần suất, cường độ, mức độ thiệt hại, phạm vi chịu thiệt hại, đối tượng chịu thiệt hại trong DSTN. - Phân vùng di sản thiên nhiên: Diện tích, ranh giới, tọa độ địa lý vùng lõi, vùng đệm, vùng chuyển tiếp. - Thông tin liên quan khác.
2	Mô tả các giá trị cốt lõi của DSTN	- Các giá trị cốt lõi, cốt lõi của khu di sản đáp ứng tiêu chí xác lập DSTN: tình trạng khi thành lập DSTN và hiện trạng đáp ứng các tiêu chí này. - Các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng. - Di tích, giá trị văn hóa lịch sử (nếu có), thông tin về tình trạng trong quá khứ (nếu có) và hiện trạng. - Các giá trị khác (nghiên cứu khoa học, giáo dục...).
3	Các thông tin, dữ liệu về chất lượng môi trường	- Thông số quan trắc chất lượng môi trường (đất, nước, không khí) qua các năm hoặc định kỳ.
4	Các thông tin, dữ liệu về sinh thái, cảnh quan và đa dạng sinh học của DSTN	- Các đặc điểm chính của cảnh quan sinh thái: cảnh quan, hệ sinh thái. - Các hệ sinh thái tự nhiên, diện tích, ranh giới, hệ động vật, thực vật đặc trưng và hiện trạng của từng hệ sinh thái. - Danh mục các loài động thực vật: + Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; kèm theo phân bố, hiện trạng quần thể, hiện trạng sinh cảnh (nếu có). + Danh mục các loài di cư; kèm theo phân bố, hiện trạng quần thể, hiện trạng sinh cảnh (nếu có). + Danh mục các loài có giá trị kinh tế cao; kèm theo phân bố, hiện trạng quần thể (nếu có). + Các loài hoang dã khác. + Loài ngoại lai xâm hại.

TT	Nhóm thông tin, dữ liệu	Thông tin, dữ liệu cụ thể cần thu thập
5	Các thông tin, dữ liệu về hiện trạng kinh tế - xã hội (các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh sống trong khu di sản thiên nhiên tại vùng lõi, vùng đệm, vùng chuyển tiếp của DSTN)	- Số liệu kiểm kê hiện trạng sử dụng đất (năm kiểm kê gần nhất), phân bố dân cư (bao gồm cộng đồng sinh sống bên trong, xung quanh di sản thiên nhiên). - Các chính sách, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng. - Số liệu thống kê số hộ/doanh nghiệp và quy mô sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong vùng lõi, vùng đệm, vùng chuyển tiếp của DSTN theo nhóm ngành nghề. - Số liệu thống kê các dự án đầu tư/cơ sở thuộc diện phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường/phải có giấy phép môi trường theo quy định của Luật BVMT và thống kê các vụ vi phạm pháp luật về môi trường. - Thống kê các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; khu vực khai thác, phương pháp khai thác; quy mô, cường độ khai thác (nước, khoáng sản, lâm sản, thủy điện, điện gió, điện mặt trời...). - Thống kê hoạt động du lịch.
6	Các thông tin, dữ liệu về hiện trạng quốc phòng, an ninh	- Vị trí các khu vực có tầm quan trọng về an ninh, quốc phòng của DSTN.
7	Các thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn, thiên tai và phòng chống thiên tai, BĐKH	- Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn: Khí tượng (nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm, bức xạ mặt trời...); Thủy văn (mức nước sông, hồ, thủy triều, chế độ dòng chảy, lưu lượng, xâm nhập mặn...); Hải văn (sóng, dòng chảy biển, mức nước biển, nhiệt độ và độ mặn nước biển...); - Thông tin, dữ liệu về thiên tai và phòng chống thiên tai, BĐKH: Loại hình thiên tai (bão, lũ, hạn hán...); thống kê thiệt hại; hệ thống cảnh báo.
8	Hiện trạng công tác quản lý và bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của khu di sản thiên nhiên	- Tổ chức quản lý. + Tổ chức bộ máy quản lý và trách nhiệm cụ thể của từng đơn vị, phối hợp quản lý với các bên liên quan. + Cơ sở hạ tầng BVMT, trang thiết bị phòng chống thiên tai. + Nhân lực BVMT: nhân lực phổ thông, nhân lực quản lý, nhân lực chuyên môn + Nguồn lực tài chính: các nguồn tài chính và hiện trạng sử dụng nguồn lực tài chính cho công tác BVMT. - Hoạt động quản lý và BVMT. + Quy chế quản lý và BVMT DSTN và tình hình thực hiện. + Kế hoạch quản lý và BVMT DSTN và tình hình thực hiện... . + Các thông tin khác liên quan đến quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.
9	Các nguồn số liệu, dữ liệu, bản đồ liên quan	- Bản đồ địa chính cơ sở hoặc bản đồ nền địa hình VN2000 tỷ lệ 1:10.000- 1: 100.000. - Bản đồ kết quả kiểm kê đất đai cấp xã tại thời điểm gần nhất tỷ lệ 1/10.000.

TT	Nhóm thông tin, dữ liệu	Thông tin, dữ liệu cụ thể cần thu thập
		- Bản đồ rà soát qui hoạch 3 loại rừng cấp xã. - Bản đồ, số liệu hiện trạng rừng có tại thời điểm gần nhất. - Bản đồ ranh giới DSTN. - Bản đồ phân vùng DSTN. ... - Các tài liệu tham khảo cần thiết khác. Lưu ý: Tất cả các file dữ liệu bản đồ tham khảo (vector và raster) hệ tọa độ VN2000.

Ghi chú: Thông tin, số liệu, dữ liệu cần được thu thập trong khoảng thời gian 05 năm trước thời điểm điều tra, đánh giá.

PHỤ LỤC 2

CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN VÙNG DI SẢN THIÊN NHIÊN

TT	Loại hình di sản thiên nhiên	Văn bản pháp luật	Nội dung quy định	Tương đương quy định phân vùng DSTN tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP
1	Di sản thiên nhiên	Khoản 5 Điều 21 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Di sản thiên nhiên được xác định vị trí, diện tích, ranh giới của vùng lõi, vùng đệm và vùng chuyển tiếp (nếu có) theo quy định sau đây: - Vùng lõi là khu vực chứa đựng các giá trị cốt lõi theo tiêu chí xác lập, công nhận DSTN và được quản lý, bảo vệ hiệu quả, bao gồm: khu bảo tồn thiên nhiên; khu vực có các giá trị cốt lõi cần phải được bảo vệ nguyên vẹn, giữ được nét nguyên sơ của tự nhiên của khu dự trữ sinh quyển, công viên địa chất và DSTN khác quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trong đó, vùng lõi là khu bảo tồn thiên nhiên, được phân khu chức năng theo quy định của pháp luật về ĐDSH, lâm nghiệp, thủy sản gồm phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái và phân khu dịch vụ hành chính. - Vùng đệm, bao gồm: khu vực có giá trị cần bảo vệ ở mức thấp hơn so với vùng lõi của DSTN; khu vực nằm sát ranh giới của vùng lõi có tác dụng ngăn chặn, giảm nhẹ tác động tiêu cực của hoạt động phát triển kinh tế - xã hội bên ngoài DSTN đến vùng lõi của DSTN; - Vùng chuyển tiếp, bao gồm các khu vực nằm liên kết với vùng đệm, nơi diễn ra các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội cần được kiểm soát để phù hợp, hài hòa với mục tiêu bảo vệ, bảo tồn của việc xác lập, công nhận DSTN.	Ban quản lý DSTN
2	Khu bảo tồn thiên nhiên	Điều 26 Luật Đa dạng sinh học	Khu bảo tồn có các phân khu chức năng sau đây: - Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt; - Phân khu phục hồi sinh thái; - Phân khu dịch vụ - hành chính.	Vùng lõi DSTN
		Điều 3, Luật Đa dạng sinh học	Vùng đệm là vùng bao quanh, tiếp giáp khu bảo tồn, có tác dụng ngăn chặn, giảm nhẹ tác động tiêu cực từ bên ngoài đối với khu bảo tồn	Vùng đệm DSTN

TT	Loại hình di sản thiên nhiên	Văn bản pháp luật	Nội dung quy định	Tương đương quy định phân vùng DSTN tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP
3	Khu bảo tồn biển	Khoản 8,9,10, 11, Điều 3 Nghị định số 26/2019/ NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản	- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn biển là vùng biển, đảo, quần đảo, ven biển được xác định để bảo toàn nguyên vẹn, giữ nguyên hiện trạng và theo dõi diễn biến tự nhiên của các loài động vật, thực vật thủy sinh và các hệ sinh thái tự nhiên trên biển. - Phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn biển là vùng biển, đảo, quần đảo, ven biển được xác định để triển khai hoạt động phục hồi, tái tạo các loài động vật, thực vật thủy sinh và các hệ sinh thái tự nhiên trên biển. - Phân khu dịch vụ - hành chính của khu bảo tồn biển là vùng biển, đảo, quần đảo, ven biển được xác định để triển khai hoạt động dịch vụ, hành chính, hoạt động thủy sản có kiểm soát.	Vùng lõi DSTN
			- Vùng đệm của khu bảo tồn biển là vùng biển, đảo, quần đảo, ven biển bao quanh hoặc tiếp giáp với ranh giới trong của khu bảo tồn nhằm ngăn ngừa, giảm nhẹ tác động gây hại từ bên ngoài đối với khu bảo tồn.	Vùng đệm DSTN
4	Khu rừng đặc dụng	Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017	- <i>Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng</i> là khu vực được bảo toàn nguyên vẹn của vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh. - <i>Phân khu phục hồi sinh thái của rừng đặc dụng</i> là khu vực được quản lý, bảo vệ chặt chẽ để rừng phục hồi hệ sinh thái tự nhiên của vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh. - <i>Phân khu dịch vụ, hành chính của rừng đặc dụng</i> là khu vực hoạt động thường xuyên của ban quản lý rừng đặc dụng, cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm, dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí kết hợp với xây dựng công trình quản lý dịch vụ của vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh.	Vùng lõi DSTN
			- <i>Vùng đệm</i> là vùng rừng, vùng đất, vùng mặt nước nằm sát ranh giới của khu rừng đặc dụng có tác dụng ngăn chặn, giảm nhẹ sự tác động tiêu cực đến khu rừng đặc dụng.	Vùng đệm DSTN

TT	Loại hình di sản thiên nhiên	Văn bản pháp luật	Nội dung quy định	Tương đương quy định phân vùng DSTN tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP
		Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp	<i>Xác định vùng đệm:</i> - Vùng đệm bên trong khu rừng đặc dụng: khu vực đang có cộng đồng dân cư, cụm dân cư sinh sống ổn định trước khi thành lập khu rừng đặc dụng, không có điều kiện di dân tái định cư ra khỏi khu rừng đặc dụng; có quy hoạch ổn định dân cư lâu dài tại chỗ phù hợp với quy hoạch của khu rừng đặc dụng; diện tích vùng đệm bên trong được xác định trên cơ sở hiện trạng về đất, mặt nước sử dụng thực tế của cộng đồng dân cư, canh tác ổn định trước khi thành lập khu rừng đặc dụng; - Vùng đệm bên ngoài khu rừng đặc dụng: khu vực có cộng đồng dân cư sinh sống và hoạt động sản xuất kinh doanh, sinh hoạt theo truyền thống; khu vực diện tích các thôn liền kề với ranh giới ngoài của khu rừng đặc dụng; - Khu rừng đặc dụng có ranh giới tiếp giáp với biên giới quốc gia, khu rừng phòng hộ, khu bảo tồn khác hoặc khu vực quốc phòng thì không phải xác định vùng đệm bên ngoài đối với phần tiếp giáp đó.	Vùng lõi DSTN
5	Khu rừng đặc dụng	Khoản 4, Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Tiêu chí các phân khu chức năng của vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên và khu bảo tồn loài - sinh cảnh <i>a) Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:</i> - Có hệ sinh thái tự nhiên còn bảo tồn nguyên vẹn hoặc có hệ sinh thái tự nhiên bảo đảm quy luật phát triển tự nhiên của hệ sinh thái rừng. - Có phân bố tự nhiên và là nơi cư trú của các loài động vật, thực vật hoang dã đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm. - Đối với khu rừng đặc dụng có hợp phần là hệ sinh thái đất ngập nước, ven biển thì vị trí, phạm vi, quy mô của phân khu bảo vệ nghiêm ngặt được xác định trên cơ sở hiện trạng hệ sinh thái tự nhiên và điều kiện về địa hình, thủy văn, chế độ ngập nước; là nơi cư trú của các loài động vật, thực vật hoang dã đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm. <i>b) Phân khu phục hồi sinh thái đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:</i> - Có hệ sinh thái rừng cần phục hồi bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để đạt được trạng thái tự nhiên đặc trưng của hệ sinh thái rừng.	Vùng lõi DSTN

TT	Loại hình di sản thiên nhiên	Văn bản pháp luật	Nội dung quy định	Tương đương quy định phân vùng DSTN tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP
			Có hệ sinh thái tự nhiên và sinh cảnh là nơi duy trì nguồn thức ăn và đi lại thường xuyên cho các loài động vật hoang dã. - Đối với khu rừng đặc dụng có hợp phần là hệ sinh thái đất ngập nước, ven biển thì vị trí, phạm vi, quy mô của phân khu phục hồi sinh thái xác định trên cơ sở hiện trạng của hệ sinh thái tự nhiên và điều kiện về địa hình, thủy văn, chế độ ngập nước; là nơi duy trì nguồn thức ăn và đi lại thường xuyên cho các loài động vật hoang dã. <i>c) Phân khu dịch vụ, hành chính đáp ứng các tiêu chí sau đây:</i> - Được xác lập chủ yếu để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: công trình làm việc, sinh hoạt, nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, cứu hộ và phát triển sinh vật của ban quản lý rừng đặc dụng; công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và tổ chức thực hiện các chức năng khác theo quy định của pháp luật; - Diện tích của phân khu dịch vụ, hành chính tập trung, hạn chế xác lập diện tích phân tán, phù hợp với quy mô của ban quản lý rừng đặc dụng, hiện trạng rừng và tổng diện tích tự nhiên của khu rừng đặc dụng.	
6	Khu bảo tồn đất ngập nước	Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước	Các khu bảo tồn đất ngập nước được phân khu chức năng. Các phân khu chức năng phải xác định diện tích; ranh giới, tọa độ trên bản đồ trong dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước và đánh dấu, thả mốc ranh giới trên thực địa sau khi có quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm: - Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt là khu vực được xác lập với diện tích đủ để bảo tồn nguyên vẹn mẫu chuẩn hệ sinh thái đất ngập nước theo diễn thế tự nhiên của hệ sinh thái này; - Phân khu phục hồi sinh thái là khu vực được xác lập để phục hồi, bảo tồn, sử dụng bền vững nhằm đảm bảo khả năng tái tạo hệ sinh thái này; - Phân khu dịch vụ - hành chính là khu vực được xác lập để phục vụ công tác điều hành, quản lý khu bảo tồn, nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường, du lịch sinh thái, bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.	Vùng lõi DSTN

TT	Loại hình di sản thiên nhiên	Văn bản pháp luật	Nội dung quy định	Tương đương quy định phân vùng DSTN tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP
7	Danh lam thắng cảnh	Khoản 2, 3 Điều 27 Luật Di sản văn hoá 2024	Khu vực bảo vệ I là vùng có yếu tố gốc cấu thành di tích phải được bảo vệ nguyên trạng về mặt bằng và không gian của các yếu tố gốc cấu thành di tích	Vùng lõi DSTN
			Khu vực bảo vệ II là khu vực bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I của di tích, để bảo vệ cảnh quan văn hóa của di tích.	Vùng đệm DSTN
8	Di sản thiên nhiên thế giới	Điều 4, Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/09/2017 quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam	Bảo vệ khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới: - Khu vực di sản thế giới được bảo vệ như đối với khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.	Vùng lõi DSTN
			- Vùng đệm của khu vực di sản thế giới được bảo vệ như đối với khu vực bảo vệ II của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.	Vùng đệm DSTN

PHỤ LỤC 3

TỔNG HỢP QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG DI SẢN THIÊN NHIÊN

Quy định	Văn bản pháp luật	Nội dung chi tiết
Di sản thiên nhiên		
Bảo vệ môi trường đối với di sản thiên nhiên	Khoản 7, Điều 21 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Bảo vệ môi trường đối với di sản thiên nhiên được thực hiện theo quy định sau đây: - Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong vùng lõi của di sản thiên nhiên - Các hệ sinh thái tự nhiên trong di sản thiên nhiên - Các giá trị cốt lõi của thiên nhiên và đa dạng sinh học của di sản thiên nhiên; - Các chỉ số đặc trưng về địa chất, cảnh quan, sinh thái, đa dạng sinh học của di sản thiên nhiên; - Tuân thủ các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường.
Điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên	Khoản 1, 2 Điều 21 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	- Các hệ sinh thái tự nhiên trong di sản thiên nhiên
	Thông tư số 02/2022/TT-BTN-MT ngày 10/01/2022	- Các giá trị cốt lõi của thiên nhiên và đa dạng sinh học của di sản thiên nhiên;
	Thông tư số 35/2018/TT-BTN-MT ngày 28/12/2018 quy định tiêu chí xác định và ban hành danh mục loài ngoại lai xâm hại.	- Các chỉ số đặc trưng về địa chất, cảnh quan, sinh thái, đa dạng sinh học của di sản thiên nhiên;
	Nghị định 64/2019/NĐ-CP trong đó quy định Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	- Tuân thủ các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường.
	Điều 9-14 Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. (đồng thời thực hiện các quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019, Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019; Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 trong đó quy định Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ).	Chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ: - Điều tra, quan trắc, đánh giá hiện trạng và lập hồ sơ loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ - Bảo tồn loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ - Khai thác loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ - Trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ - Nuôi, trồng loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ - Cứu hộ, đưa loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ vào cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và thả lại nơi sinh sống tự nhiên của chúng.

Quy định	Văn bản pháp luật	Nội dung chi tiết
	Thông tư số 06/2022/TT-BT-NMT của Bộ TNMT ngày 30/6/2022 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000, mã số QCVN 70:2022/BTNMT	Các phương pháp kỹ thuật thu thập, phân tích các tư liệu viễn thám.
	Khoản 5, Điều 151, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của Trung ương.
	Khoản 5, Điều 152, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của địa phương.
Xây dựng quy chế quản lý và BVMT DSTN	Thông tư số 02/2022/TT-BTN-MT ngày 10/01/2022	Phụ lục 1. Mẫu số 09. Nội dung quy chế quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.
Khu bảo tồn thiên nhiên		
Điều tra, đánh giá	Điều 33, Luật Đa dạng sinh học	Báo cáo về hiện trạng đa dạng sinh học của khu bảo tồn:
Quản lý các hoạt động trong khu bảo tồn	Điều 27, Luật Đa dạng sinh học	- Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu bảo tồn. - Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có hoạt động hợp pháp trong khu bảo tồn. - Quản lý vùng đệm của khu bảo tồn.
	Điều 9, 10, Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học	- Trách nhiệm quản lý khu bảo tồn. - Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu bảo tồn.
	Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen	- Quản lý hoạt động tiếp cận để sử dụng và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

Quy định	Văn bản pháp luật	Nội dung chi tiết
Khu bảo tồn biển		
Bảo vệ môi trường đối với di sản thiên nhiên	Khoản 7, Điều 21 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	Quy chế quản lý khu bảo tồn biển: - Quản lý hoạt động trong khu bảo tồn biển và vùng đệm. - Quyền và trách nhiệm của Ban quản lý khu bảo tồn biển. - Quyền của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khu bảo tồn biển. - Nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khu bảo tồn biển.
	Điều 1, Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	- Quản lý hoạt động trong khu bảo tồn biển và vùng đệm. - Quyền và trách nhiệm của Ban quản lý khu bảo tồn biển. - Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khu bảo tồn biển.
Khu bảo tồn rừng đặc dụng		
Điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến, cơ sở dữ liệu rừng	Điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến, cơ sở dữ liệu rừng.	Điều tra rừng; Kiểm kê rừng; Theo dõi diễn biến rừng; Cơ sở dữ liệu rừng.
	Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BNNPTNT ngày 25/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết về nội dung điều tra, kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến rừng.	Quy định chi tiết về nội dung điều tra, kiểm kê rừng; phương pháp, quy trình điều tra, kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến rừng.
	Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.	Quy định Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.
Các hoạt động thực hiện trong rừng đặc dụng	Điều 11, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp.	Bảo vệ rừng đặc dụng: - Bảo vệ hệ sinh thái rừng. - Bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng. - Thực hiện các quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng. - Thực hiện các quy định về phòng, trừ sinh vật gây hại rừng.

Quy định	Văn bản pháp luật	Nội dung chi tiết
Điều 46, Luật Lâm nghiệp	Khoản 7, Điều 21 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Phát triển rừng đặc dụng
	Điều 52, Luật Lâm nghiệp	Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng
	Điều 12, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp	Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng - Đối với vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh - Đối với khu rừng bảo vệ cảnh quan - Đối với khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học - Đối với vườn thực vật quốc gia, rừng giống quốc gia
Quản lý các hoạt động du lịch trong rừng đặc dụng	Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi Điều 14, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp	Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng.
	Công văn số 1183/TCLN-ĐDPH ngày 31/8/2021 của Tổng cục lâm nghiệp về việc hướng dẫn xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	Mẫu đề cương Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí rừng đặc dụng/rừng phòng hộ giai đoạn 2021 - 2030.
Quản lý các hoạt động xây dựng trong rừng đặc dụng	Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi Điều 15, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp	Quản lý xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng.
Quản lý các hoạt động sinh sống trong rừng đặc dụng	Điều 54, Luật Lâm nghiệp	Ổn định đời sống dân cư sống trong rừng đặc dụng và vùng đệm của rừng đặc dụng.
	Khoản 2, Điều 16, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp	Ổn định đời sống dân cư sống trong rừng đặc dụng và vùng đệm của rừng đặc dụng. Nội dung chương trình, dự án đầu tư phát triển vùng đệm.

Quy định	Văn bản pháp luật	Nội dung chi tiết
Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập trong rừng đặc dụng	Điều 53, Luật Lâm nghiệp	Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng.
	Điều 13, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp	Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập trong rừng đặc dụng.
Quyền và nghĩa vụ chủ rừng	Điều 73, 74, Luật Lâm nghiệp	- Quyền chung của chủ rừng. - Nghĩa vụ chung của chủ rừng.
Phương án quản lý rừng bền vững	Khoản 1, 2, Điều 27 Luật Lâm nghiệp	- Trách nhiệm xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững được quy định - Nội dung cơ bản của phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng đặc dụng.
Các khu bảo tồn đất ngập nước		
Điều tra, đánh giá KBT ĐNN	Điều 6, 7, 16 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước	- Thống kê, kiểm kê các vùng đất ngập nước. - Điều tra, đánh giá các vùng đất ngập nước. - Xác lập và quản lý các hoạt động trong phân khu chức năng của khu bảo tồn đất ngập nước.
Kế hoạch quản lý	Điều 17 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước	- Kế hoạch quản lý khu bảo tồn là một nội dung của dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước. - Cơ quan lập dự án thành lập khu bảo tồn triển khai xây dựng kế hoạch quản lý khu bảo tồn theo nội dung cơ bản quy định tại khoản 3 Điều này. - Nội dung cơ bản của kế hoạch quản lý khu bảo tồn đất ngập nước.
Quy chế quản lý	Điều 18 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước	Quy chế quản lý khu bảo tồn đất ngập nước - Cơ quan quản lý khu bảo tồn xây dựng Quy chế quản lý khu bảo tồn sau khi được thành lập và trình cấp có thẩm quyền ban hành. Đối với Quy chế quản lý khu bảo tồn thuộc địa bàn của một tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương phải có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. - Nội dung cơ bản của Quy chế quản lý khu bảo tồn đất ngập nước.
Công viên địa chất		
Điều tra, đánh giá di sản địa chất, công viên địa chất	Điều 14, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản	Điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phải gắn với điều tra, đánh giá di sản địa chất, công viên địa chất. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung công tác điều tra, đánh giá di sản địa chất, công viên địa chất.

Quy định	Văn bản pháp luật	Nội dung chi tiết
	Điều 5,6,7 Thông tư 50/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ TNMT về quy định nội dung công tác điều tra, đánh giá di sản địa chất, công viên địa chất.	- Nội dung điều tra, đánh giá di sản địa chất. - Nội dung điều tra, đánh giá công viên địa chất. - Báo cáo công tác điều tra, đánh giá di sản địa chất, công viên địa chất. .
Danh lam thắng cảnh		
Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hóa	Điều 5 Luật Di sản văn hóa 2024.	- Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu di sản văn hóa. - Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân quản lý trực tiếp di sản văn hóa.
Quản lý các hoạt động xây dựng	Điều 28,29,30 Luật di sản văn hóa 2024.	Thẩm quyền thẩm định dự án cải tạo, xây dựng công trình có khả năng ảnh hưởng xấu đến di tích.
Quản lý hoạt động bảo vệ môi trường	Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hoá, thể thao và du lịch.	1. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, địa điểm tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể dục, thể thao, đơn vị tổ chức lễ hội phải thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật này.” 2. Cá nhân đến khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, địa điểm tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể dục, thể thao, địa điểm diễn ra lễ hội phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây: a) Tuân thủ quy định, quy chế giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường; b) Thải bỏ chất thải đúng nơi quy định; hạn chế phát sinh chất thải nhựa; c) Giữ gìn vệ sinh công cộng d) Không xâm hại cảnh quan môi trường và các loài sinh vật.”
	Quyết định số 4666/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2015 về Bộ tiêu chí hướng dẫn bảo vệ môi trường tại các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quốc gia.	- Bộ tiêu chí là cơ sở để các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng kế hoạch, thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; - Các cơ quan quản lý nhà nước hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá công tác bảo vệ môi trường tại các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quốc gia.

PHỤ LỤC 4

TỔNG HỢP QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DI SẢN THIÊN NHIÊN

Cơ quan/ đơn vị/ tổ chức	Trách nhiệm/thực hiện	Quy định pháp luật
Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý và bảo vệ môi trường DSTN. Xây dựng, ban hành, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thực hiện và thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, hướng dẫn kỹ thuật về quản lý và bảo vệ môi trường DSTN.	Điểm a Khoản 8 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
	Trường hợp di sản thiên nhiên nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc nằm trên vùng biển chưa xác định được trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sáp nhập hoặc giao một ban quản lý hoặc giao một tổ chức quản lý di sản thiên nhiên đó.	Điểm c Khoản 6 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
	Trường hợp di sản thiên nhiên không thuộc quy định tại điểm c khoản này nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc nằm trên vùng biển chưa xác định được trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mô hình quản lý hoặc giao tổ chức quản lý di sản thiên nhiên đó.	Điểm d Khoản 6 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
	Hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; tổ chức xây dựng và phê duyệt quy chế, kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên đối với di sản thiên nhiên nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc nằm trên vùng biển chưa xác định được trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Điểm a Khoản 6 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
	Ban hành các mẫu biểu về văn bản đề nghị thẩm định và báo cáo dự án xác lập di sản thiên nhiên khác quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường; hướng dẫn kỹ thuật lập, công nhận di sản thiên nhiên khác quy định tại Điều này.	Khoản 7 Điều 19 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
	Mẫu báo cáo dự án xác lập di sản thiên nhiên khác quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường.	Mẫu 7 Phụ lục 1 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT
	Hướng dẫn kỹ thuật việc đề cử, công nhận danh hiệu quốc tế đối với di sản thiên nhiên của Việt Nam theo quy định của các tổ chức quốc tế; chỉ định đầu mối thông tin, liên lạc với các tổ chức quốc tế để hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật về quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học đối với di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận.	

Cơ quan/ đơn vị/ tổ chức	Trách nhiệm/thực hiện	Quy định pháp luật
	Mẫu Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.	Mẫu 8 Phụ lục 1 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT
	Trong trường hợp có nguy cơ khẩn cấp gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường di sản thiên nhiên, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp, tạm thời nhằm giới hạn tổng lượng xả thải vào môi trường di sản thiên nhiên, trong đó xác định rõ khu vực áp dụng, thời gian áp dụng.	Điểm đ Khoản 7 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
	Tổ chức xây dựng, phê duyệt dự án phục hồi môi trường của di sản thiên nhiên bị ô nhiễm, suy thoái môi trường theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	Điểm e Khoản 7 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
	Ban hành mẫu nội dung quy chế quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.	Mẫu 9 Phụ lục 1 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT
	Ban hành mẫu nội dung kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.	Mẫu 10 Phụ lục 1 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Tổ chức thực hiện các yêu cầu bảo vệ di sản thiên nhiên trong các hoạt động lâm nghiệp, ngư nghiệp, nông nghiệp theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.	Điểm c Khoản 8 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Tổ chức thực hiện các yêu cầu về bảo vệ di sản thiên nhiên trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.	Điểm d khoản 8 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
Các bộ, cơ quan ngang bộ	Tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật.	Điểm đ khoản 8 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
UBND tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương	Thực hiện thống nhất quản lý và bảo vệ môi trường DSTN trên địa bàn quản lý; thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường DSTN theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.	Điểm b Khoản 8 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
	Tổ chức xây dựng và phê duyệt quy chế, kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên nằm trên địa bàn tỉnh.	Điểm a Khoản 6 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP

Cơ quan/ đơn vị/ tổ chức	Trách nhiệm/thực hiện	Quy định pháp luật
	Tổ chức xây dựng, phê duyệt dự án phục hồi môi trường của di sản thiên nhiên bị ô nhiễm, suy thoái môi trường theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	Điểm e Khoản 7 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
	Đối với khu dự trữ sinh quyển thế giới và công viên địa chất toàn cầu nằm trên địa bàn rộng, có các khu vực sản xuất, khu dân cư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Ban quản lý liên ngành và bảo đảm nguồn lực hoạt động để quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.	Điểm b Khoản 6 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
Ban quản lý/tổ chức quản lý DSTN	Thực hiện điều tra, đánh giá định kỳ di sản thiên nhiên theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này; gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có di sản thiên nhiên và cập nhật kết quả điều tra, đánh giá theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều này vào cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan.	Khoản 2 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
	Phải đáp ứng tiêu chí về năng lực quản lý và bảo vệ môi trường, có trách nhiệm tổ chức, huy động lực lượng và nguồn lực, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật, các quy chế, kế hoạch đã được phê duyệt; được bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; tổ chức giám sát, kịp thời ngăn chặn hành vi xâm hại di sản thiên nhiên; tổ chức bán vé, thu phí tham quan và dịch vụ; quản lý, sử dụng nguồn thu theo quy định của pháp luật; tuyên truyền nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng vào việc bảo vệ và quản lý di sản thiên nhiên; tham gia quản lý, liên kết và giám sát các hoạt động đầu tư, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong khu vực di sản thiên nhiên; thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao.	Điểm b Khoản 6 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP

PHỤ LỤC 5

NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ DI SẢN THIÊN NHIÊN

(Mẫu số 08, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-(3)..

(Địa danh), ngàytháng...năm....

BÁO CÁO

Kết quả điều tra, đánh giá DSTN (4)

1. Thông tin chung về di sản thiên nhiên:

- Vị trí địa lý, ranh giới, diện tích di sản thiên nhiên và phân vùng di sản thiên nhiên kèm theo bản đồ;

2. Diễn biến môi trường và các giá trị thiên nhiên của di sản

2.1. Hiện trạng di sản thiên nhiên (của năm điều tra, đánh giá)

- Chất lượng môi trường di sản thiên nhiên (chất lượng môi trường đất, nước, không khí);
- Hiện trạng cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học (mô tả hiện trạng cảnh quan, hiện trạng các hệ sinh thái tự nhiên, các loài và các giá trị đặc trưng của di sản thiên nhiên theo các tiêu chí xác lập).
- Hiện trạng quản lý di sản thiên nhiên: Mô tả thực trạng quản lý di sản thiên nhiên: tổ chức quản lý, công tác quản lý, nguồn lực quản lý, năng lực quản lý và các thông tin liên quan đến hiện trạng quản lý di sản thiên nhiên (nếu có).

2.2. Diễn biến và các giá trị thiên nhiên của di sản

- Diễn biến chất lượng môi trường đất, nước, không khí trong khu vực di sản thiên nhiên;
- Diễn biến các giá trị thiên nhiên cần bảo vệ, bảo tồn của di sản thiên nhiên (đánh giá theo các tiêu chí xác lập, công nhận di sản thiên nhiên);
- Đánh giá sự biến động về chất lượng môi trường và các tiêu chí xác lập, công nhận di sản thiên nhiên theo các mốc thời gian điều tra, đánh giá.

3. Các hoạt động tác động đến di sản thiên nhiên

- Các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội có tác động xấu đến môi trường di sản thiên nhiên: liệt kê các hoạt động và đánh giá mức độ tác động;
- Các hoạt động khai thác, sử dụng các giá trị tài nguyên, dịch vụ hệ sinh thái của di sản thiên nhiên
- Các mối đe dọa khác tới di sản thiên nhiên và đánh giá tác động đến DSTN.

4. Các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của di sản thiên nhiên

- Các hoạt động phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ, bảo tồn các giá trị của thiên nhiên và đa dạng sinh học của di sản thiên nhiên: liệt kê các hoạt động, kết quả triển khai và đánh giá kết quả;
- Thực hiện các giải pháp về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật: liệt kê các giải pháp đã triển khai, kết quả đạt được và đánh giá kết quả.

5. Tổng hợp kết quả điều tra di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có)

- Kết quả điều tra, kiểm kê rừng trong di sản thiên nhiên;
- Kết quả kiểm kê hiện trạng sử dụng đất trong di sản thiên nhiên;
- Kết quả điều tra, quan trắc đa dạng sinh học, các dịch vụ hệ sinh thái của di sản thiên nhiên.

6. Phương hướng, kế hoạch trong 5 năm tới; đề xuất, kiến nghị

Các phụ lục đính kèm báo cáo:

- Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài bản địa, loài đặc hữu;
- Các kiểu, loại hình hệ sinh thái và sự phân bố trong khu vực di sản thiên nhiên;
- Kết quả quan trắc chất lượng môi trường, đa dạng sinh học di sản thiên nhiên;
- Danh mục các văn bản áp dụng và ban hành trong quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên;
- Danh mục các chương trình, dự án, đề tài trong nước và quốc tế liên quan đến quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học di sản thiên nhiên;
- Các phụ lục khác (nếu có).

Nơi nhận:

- UBND tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

PHỤ LỤC 6

NỘI DUNG QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DI SẢN THIÊN NHIÊN

Mẫu số 09, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT)

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Phạm vi điều chỉnh;
- Đối tượng áp dụng;
- Giải thích từ ngữ.

CHƯƠNG II. QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DI SẢN THIÊN NHIÊN

Mục 1. Quy định về ranh giới và phân vùng di sản thiên nhiên

- Ranh giới di sản thiên nhiên
- Phân vùng di sản thiên nhiên: vùng lõi, vùng đệm và vùng chuyển tiếp (nếu có)

Mục 2. Quản lý các hoạt động trong di sản thiên nhiên

- Quy định tại vùng lõi
- Quy định tại vùng đệm
- Quy định tại vùng chuyển tiếp

Căn cứ vào từng phân vùng, quy định cụ thể các nội dung sau đây:

- Các hoạt động bảo vệ, phục hồi và phát triển bền vững di sản thiên nhiên
- Bảo tồn và phát huy các giá trị tạo nên di sản thiên nhiên;
- Kiểm soát các hoạt động phát sinh chất thải trong di sản thiên nhiên: hệ thống trang thiết bị, bố trí nguồn lực cho các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải phát sinh trong khu vực di sản thiên nhiên;
- Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học tập trong di sản thiên nhiên;
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng vào việc bảo vệ và quản lý DSTN;
- Quan trắc, giám sát môi trường;
- Kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học;
- Tham quan, du lịch sinh thái và quảng bá hình ảnh di sản thiên nhiên;
- Các hoạt động của dân cư sống hợp pháp trong di sản thiên nhiên;
- Cơ chế chia sẻ dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trong di sản thiên nhiên;
- Các hoạt động liên kết và giám sát các hoạt động đầu tư, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong khu vực di sản thiên nhiên;
- Các hoạt động phòng chống rủi ro, thiên tai, thảm họa thiên nhiên, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các biện pháp cụ thể kịp thời ngăn ngừa những tác động xấu đối với những trường hợp cố tình phá hoại di sản thiên nhiên;
- Phối hợp cấp phép đối với các hoạt động trong di sản thiên nhiên;
- Những vấn đề quan trọng khác cần xây dựng thành quy định trong việc: bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phối hợp, thực hiện bảo vệ di sản thiên nhiên đối với các cấp quản lý và các bên liên quan.

Đối với vùng lõi là vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan, bổ sung quy định thực hiện theo pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và

thủy sản đối với từng phân khu: bảo vệ nghiêm ngặt, phục hồi hệ sinh thái và dịch vụ hành chính.

Mục 3. Tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

- Phương án tổ chức quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên
- Vai trò, chức năng của tổ chức quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

Mục 4. Nguồn lực và tài chính cho quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

- Bố trí nguồn nhân lực và phân công trách nhiệm
- Bố trí nguồn vật lực: tài chính và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Quyền hạn, trách nhiệm của ban quản lý, cơ quan hoặc tổ chức được giao quản lý di sản thiên nhiên; UBND cấp xã/phường có ranh giới hoặc diện tích nằm trong di sản thiên nhiên;

- Trách nhiệm phối hợp quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên giữa tổ chức được giao quản lý di sản thiên nhiên với cơ quan, tổ chức có liên quan và cộng đồng sống trong và xung quanh di sản thiên nhiên;

- Quy định trách nhiệm của các đơn vị có liên quan;
- Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

Ghi chú: Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên được xây dựng trên cơ sở xác định những yếu tố, nguy cơ có khả năng ảnh hưởng xấu tới các thành phần di sản thiên nhiên để đưa ra các quy định cụ thể nhằm bảo vệ, phục hồi và phát triển bền vững các di sản thiên nhiên.

PHỤ LỤC 7

NỘI DUNG CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DI SẢN THIÊN NHIÊN

(Mẫu số 10, Khoản 1, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 07/2025/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DI SẢN THIÊN NHIÊN

- Thông tin về di sản thiên nhiên: tên di sản; loại hình, phân cấp (nếu có); cơ sở pháp lý của việc thành lập, công nhận; vị trí địa lý, diện tích, ranh giới; các tiêu chí đáp ứng để được xác lập, công nhận di sản thiên nhiên.
- Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; lịch sử - văn hóa của khu vực di sản thiên nhiên.
- Hiện trạng môi trường, cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của di sản thiên nhiên. Hạ tầng trang thiết bị phòng chống thiên tai, cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ môi trường, tổ chức xử lý, thu gom rác thải.
- Các áp lực và tiềm năng phát huy giá trị của di sản thiên nhiên.
- Cơ sở pháp lý xây dựng và ban hành kế hoạch quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.

2. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI

- Mục tiêu: Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể.
- Phạm vi: Phạm vi không gian theo ranh giới diện tích của khu di sản thiên nhiên; phạm vi thời gian (theo kỳ lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội).

3. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

- Điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên: Nội dung điều tra theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.
- Quản lý và bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tại từng phân vùng di sản thiên nhiên: Nêu rõ các phân vùng, ranh giới các phân vùng: vùng lõi, vùng đệm, vùng chuyển tiếp (nếu có) của di sản thiên nhiên và các hoạt động quản lý, bảo vệ, cải tạo và phục hồi, sử dụng bền vững di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.
- Đối với di sản thiên nhiên là vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài sinh cảnh và khu bảo vệ cảnh quan, thực hiện quy định tại Thông tư này và các quy định cụ thể đối với phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ hành chính theo quy định pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản.
- Phương án tổ chức quản lý và bố trí nguồn lực cho quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.

4. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN

- Chương trình, đề án, dự án về quản lý và bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phục hồi và phát huy giá trị của di sản thiên nhiên: nêu rõ tên, mục tiêu, nội dung, kết quả và thời gian thực hiện, đơn vị thực hiện, kinh phí.
- Các dự án về đầu tư trang thiết bị kỹ thuật quản lý, bảo vệ di sản thiên nhiên: thu gom, quản lý chất thải; phòng ngừa ứng phó với sự cố, rủi ro các yếu tố môi trường tác động đến di sản thiên nhiên; quan trắc, giám sát môi trường; thống kê, kiểm kê, quan trắc, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học; cứu hộ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm; bảo đảm an toàn sinh học và ngăn ngừa, kiểm soát các loài ngoại lai xâm hại; các trang thiết bị phục vụ hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường khác.

5. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Giải pháp thực hiện: nêu rõ giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch quản lý, trách nhiệm của các bên liên quan trong quản lý hiệu quả di sản thiên nhiên.

- Tổ chức thực hiện: nêu rõ cách thức tổ chức thực hiện kế hoạch; lộ trình thực hiện kế hoạch; thời gian điều chỉnh kế hoạch.

- Kế hoạch giám sát, đánh giá và báo cáo định kỳ về quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: chỉ số giám sát; chu kỳ và thời gian giám sát; trách nhiệm giám sát; những biện pháp bảo vệ để ngăn chặn các nguy cơ tác động, ảnh hưởng tới di sản thiên nhiên.

PHỤ LỤC (nếu có)

Lưu ý: *Đối với các di sản thiên nhiên được quốc tế công nhận, cần chú ý tới các yêu cầu mà quốc gia đã cam kết thực hiện đối với các Tổ chức, điều ước quốc tế; các hoạt động điều phối liên ngành tại vùng đệm và vùng chuyển tiếp nhằm giảm các xung đột và tăng cường hiệu quả, đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và phát triển kinh tế, xã hội.*



Ảnh: Phạm Hoàng Việt